

PHẦN I

LÍ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

I. LÍ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Khái niệm:

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là: Taxe Sur La Valeur Tee (viết tắt là TVA). Tiếng Anh gọi là Value Added Tax (viết tắt là VAT), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoảng giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hóa:

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hóa chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lí, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hóa. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu.

3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng:

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được hoạt động như sau:

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hóa dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.

- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng hóa, dịch vụ lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ. Còn người bán hàng hóa dịch vụ ở các khâu tiếp theo đối với hàng hóa, dịch vụ đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.

- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.

- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng.

4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho ngân sách Nhà nước.

- Thuế tính trên giá bán hàng hoá, dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.

-Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.

-Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.

-Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.

- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng.

- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu trữ chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh, từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào Ngân sách Nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau, còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế được thất thu về thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ, việc tính thuế đầu ra được khấu trừ tính thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.

- Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.

- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu,...góp phần làm cho hệ

thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiền bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập...

II. CÁC QUY ĐỊNH CỦA THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh à tiêu dùng ở thị trường Việt Nam (bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

2. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT(sau đây gọi là người nhập khẩu)

3. Đối tượng không chịu thuế

Có 25 loại hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau:

- Nhóm 1: Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng
Ví dụ: Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư, duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.

- Nhóm 2: Hàng hoá, dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.
Ví dụ: Xuất bán, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử, in tiền. Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.
- Nhóm 3: Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất
Ví dụ: Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.
- Nhóm 4: Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu
Ví dụ: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

4. Căn cứ và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

4.1. Giá tính thuế

Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau
(Nguyên tắc: giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT)

4.1.1. Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất kinh doanh bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

4.1.2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá nhập khẩu + thuế nhập khẩu + thuế TTĐB (nếu có)

4.1.3. Đối với HHDV chịu thuế TTĐB

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế GTGT

4.1.4. Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm

Giá tính thuế = giá bán trả lần 1 chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

4.1.5. Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới, uỷ thác XNK và dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng:

Giá tính thuế = giá tiền công, hoa hồng được hưởng chưa có VAT

4.1.6. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi biếu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

4.1.7. Đối với dịch vụ cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

4.1.8. Đối với hàng hoá dịch vụ cơ sở kinh doanh xuất để tiêu dùng, không phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc dùng sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán hàng hoá dịch vụ cùng loại hoặc tương đương vào cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

4.1.9. Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

4.1.10. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Giá tính thuế = Giá bán - Tiền sử dụng đất

4.1.11. Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (Giá trọn gói – Chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT)/ (1 + thuế suất)

4.1.12. Đối với HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù

Giá tính thuế = Giá bán / (1+ thuế suất)

4.2. Thuế suất

Có 3 mức thuế suất: 0%, 5%, 10%

4.2.1. Thuế suất 0%: HHDV xuất khẩu và được coi như xuất khẩu và một số dịch vụ khác

- Hàng hoá XK, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (dịch

vụ vận chuyển đưa đón CBCNV, cung cấp suất ăn cho CBCNV của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế

4.2.2. Thuế suất 5%: HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng (15 nhóm)

4.2.2.1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác áp dụng mức thuế suất 10%.

4.2.2.2. Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng

4.2.2.3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác

4.2.2.4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp

4.2.2.5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại

4.2.2.6. Mủ cao su sơ chế như mủ cờ rếp, mủ tờ, mủ bún, mủ cốm; nhựa thông sơ chế; lưới; dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá

4.2.2.7. Thực phẩm tươi sống; nông sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng

4.2.2.8. Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn

4.2.2.9. Sản phẩm băng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp

4.2.2.10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp

4.2.2.11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: Các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ...

4.2.2.12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, compa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu thí nghiệm khoa học

4.2.2.13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim

4.2.2.14. Đồ chơi trẻ em, sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên

4.2.2.15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên internet.

4.2.3. Thuế suất 10%: HHDV thông thường còn lại

III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: Phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Đối tượng áp dụng thuế và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

1. Phương pháp khấu trừ thuế

Đối tượng: Áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn GTGT và không thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp trực tiếp

Công thức xác định:

Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - Thuế đầu vào được khấu trừ

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của HH, DV chịu thuế bán ra x thuế suất VAT của HHDV đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào định thuế x thuế suất thuế GTGT.

Xác định thuế GTGT đầu ra

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế GTGT, tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn chứng từ.

Trường hợp hoá đơn ghi sai mức thuế suất mà cơ sở kinh doanh bán hàng hoá dịch vụ chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên hoá đơn $>$ mức thuế suất quy định \Rightarrow doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.
- Nếu mức thuế suất ghi trên hoá đơn $<$ mức thuế suất quy định \Rightarrow doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định.

Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT \Rightarrow chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.

Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn,...Nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt

đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế GTGT của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi hoá đơn GTGT không đúng quy định (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hoá đơn bị tẩy xoá, hoá đơn ghi không đúng giá trị thực của hàng hoá dịch vụ mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì được xử lý như sau:

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = doanh thu chịu thuế GTGT/tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ.

⇒ số thuế GTGT = tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào

Điều kiện khấu trừ thuế

- a. Có hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế GTGT đối với trường hợp mua dịch vụ.
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

- Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn GTGT và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ.

- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng, trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của 1 nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác

sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

3. Xác định thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp trên GTGT = GTGT của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ đó.

- a. GTGT của hàng hóa, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra – giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phaanh biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số, vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra = Doanh số tồn đầu kì + Doanh số mua trong kì – Doanh số tồn cuối kì.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình – Chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.

- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp
(-) Chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác – Giá vốn hàng bán, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh vàng bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ - Giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.

- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỉ lệ doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kì.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh – Giá vốn của hàng hóa dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng

b. Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng

không có đủ hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định = Doanh thu x Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu làm căn cứ xác định GTGT được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hóa): 10%
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c. Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ tài chính quy định.

IV. THỦ TỤC KÊ KHAI THUẾ, NỘP THUẾ

1. Kê khai thuế

- Các cơ sở kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu quy định.

- Đối với các cơ sở kinh doanh NK, mỗi lần phát sinh hoạt động NK, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần NK cùng với việc kê khai thuế NK cho cơ quan Hải quan thu thuế tại cửa khẩu NK

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

2. Nộp thuế

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.
- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10 – 15 ngày/lần và trong thời hạn quy định (theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng

3. Hoàn thuế

Theo luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

- a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoàn thuế trong các trường hợp sau:
 - Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở nên có số thuế lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.
 - Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.
- b. Cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.
- c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, giải thể, chia tách...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế.
- d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- e. Tổ chức cá nhân ở Việt nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, các nhân nước ngoài để mua hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam.

V. YÊU CẦU QUẢN LÝ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN THUẾ

1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo quy định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: đây là số tiền mà Nhà nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là 1 vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo quy định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng bòn rút ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT

2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung

2.1.1. Trách nhiệm

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.

- Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp của thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập Báo cáo tổng hợp của thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỷ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp Ngân sách, tồn đọng Ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.
- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng kí phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế khi theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hóa đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hóa đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thuế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hóa đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng, thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.

- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hóa đơn (mở sổ giao và kí nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hóa đơn của các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trong kì.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ của các đơn vị cơ sở.

2.1.2. Quyền hạn

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hóa đơn cần điều chỉnh hoặc thanh hủy theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét, đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

2.1.3. Mối liên hệ công tác

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty: nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng

- Thứ nhất: theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hóa đơn GTGT.
- Thứ hai: lập bảng kê thuế hàng tháng bao gồm:
 - + Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
 - + Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.Căn cứ để lập các bảng kê trên là hóa đơn GTGT.
- Thứ ba: Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: vào sổ kế toán và lập báo cáo kế toán thuế

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như: phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... để vào các sổ chi tiết tài khoản 133, 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133, 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ để gửi Ban giám đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hòa giữa chế độ và quy định của nhà nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

VI. PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Tờ khai thuế GTGT.
- Quyết toán thuế GTGT
- ...

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Các hóa đơn, chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ tài chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng kí với cơ quan thuế để tự in hóa đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hóa đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hóa đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

2. Tài khoản kế toán

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp”. Kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

2.1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

* Nội dung: tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Kết cấu:

Nợ	TK 133	Có
<u>Số phát sinh tăng</u> : số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ		<u>Số phát sinh giảm</u> : số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ: - Khấu trừ thuế GTGT - Hoàn thuế GTGT - Phân bổ thuế GTGT
<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.		

TK 133 có 2 tài khoản cấp II:

- TK 1331- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa dịch vụ mua ngoài dùng cho

hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- TK 1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

* Nguyên tắc hạch toán:

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hóa, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK 133 đối với vật tư, hàng hóa mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trong trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư, hàng hóa sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK 133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK 1421 “Chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại khấu trừ tiếp theo ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn GTGT theo quy định hoặc có hóa đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hóa đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

2.2. Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp.

* Nội dung: dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu:

Nợ

TK 3331

Có

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

<u>Số phát sinh giảm</u> : khấu trừ thuế GTGT: <ul style="list-style-type: none">- Thuế GTGT được miễn giảm.- Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN.- Số thuế GTGT	<u>Số phát sinh tăng</u> : số thuế GTGT tăng phải nộp trong kỳ
<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN	<u>SDCK</u> : Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ

TK 3331 có 2 tài khoản cấp III:

- TK 33311- Thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- TK 33312- Thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu: dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào NSNN.

* Nguyên tắc hạch toán:

Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian quy định theo thông báo của cơ quan thuế.

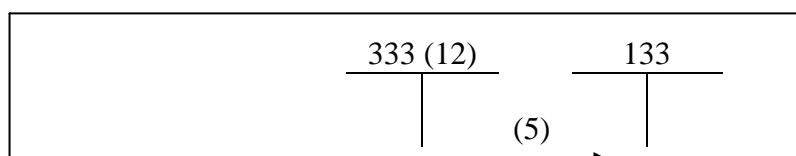
3. Trình tự kế toán:

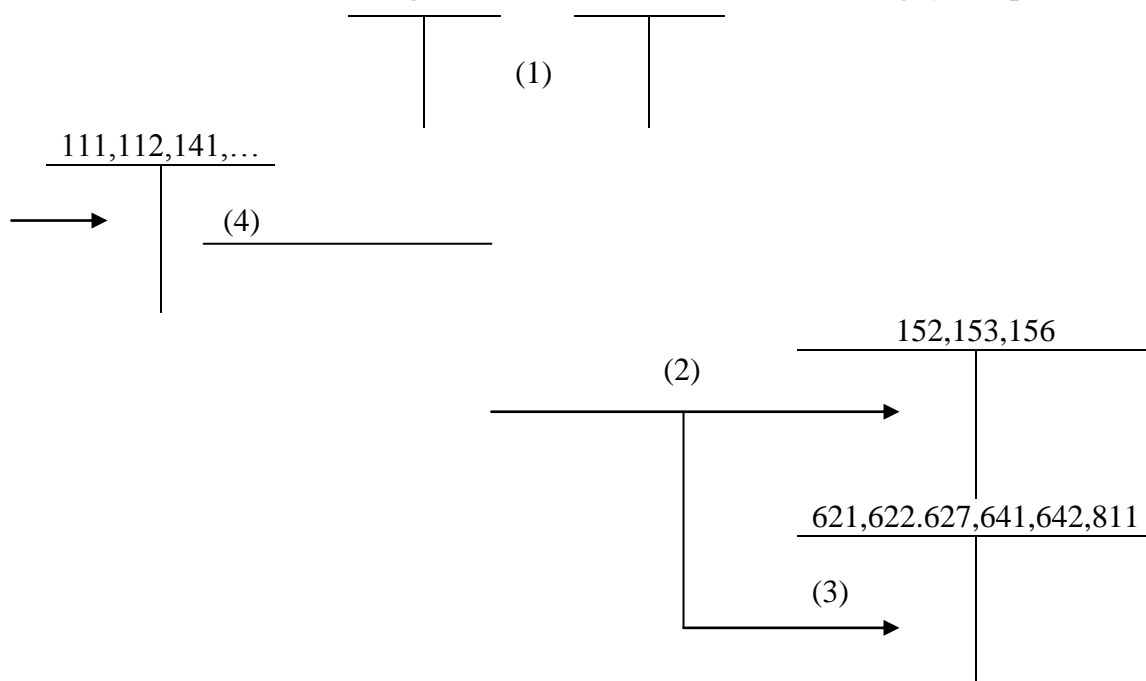
3.1. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

a. Hạch toán thuế GTGT đầu vào

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

(6)





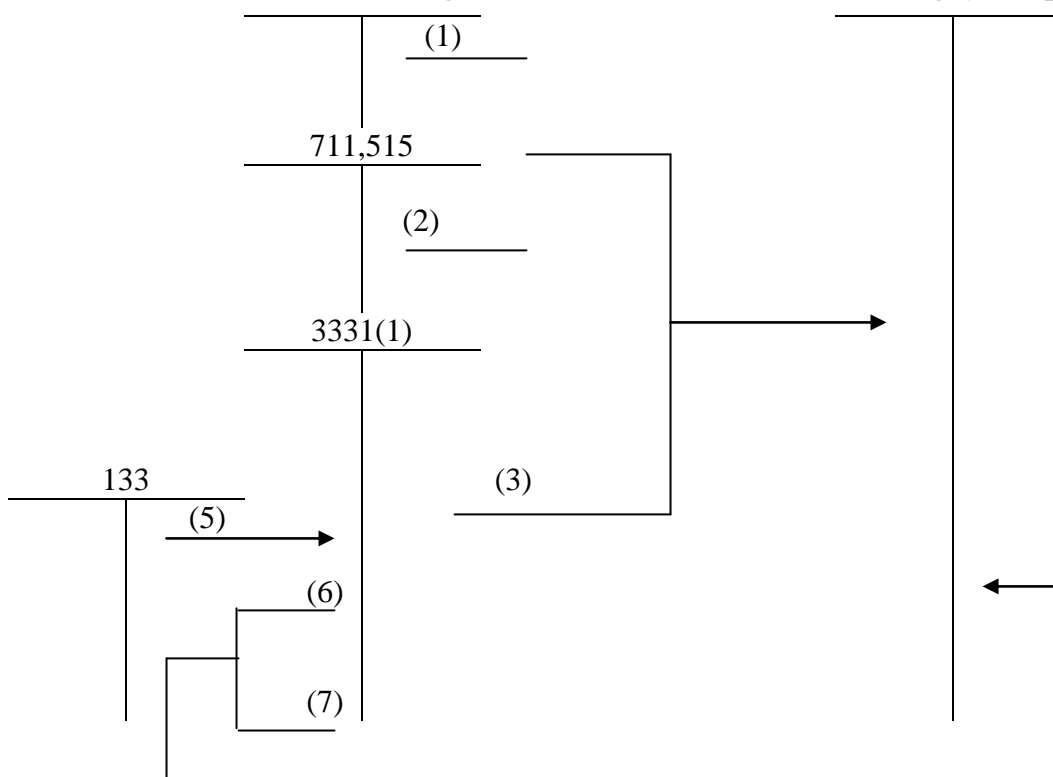
Ghi chú:

- (1): Thuế GTGT đầu vào
- (2): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ... nhập kho
- (3): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay
- (4): Tổng giá thanh toán
- (5): Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ
- (6): Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận

b. Hạch toán thuế GTGT đầu ra

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:





Ghi chú:

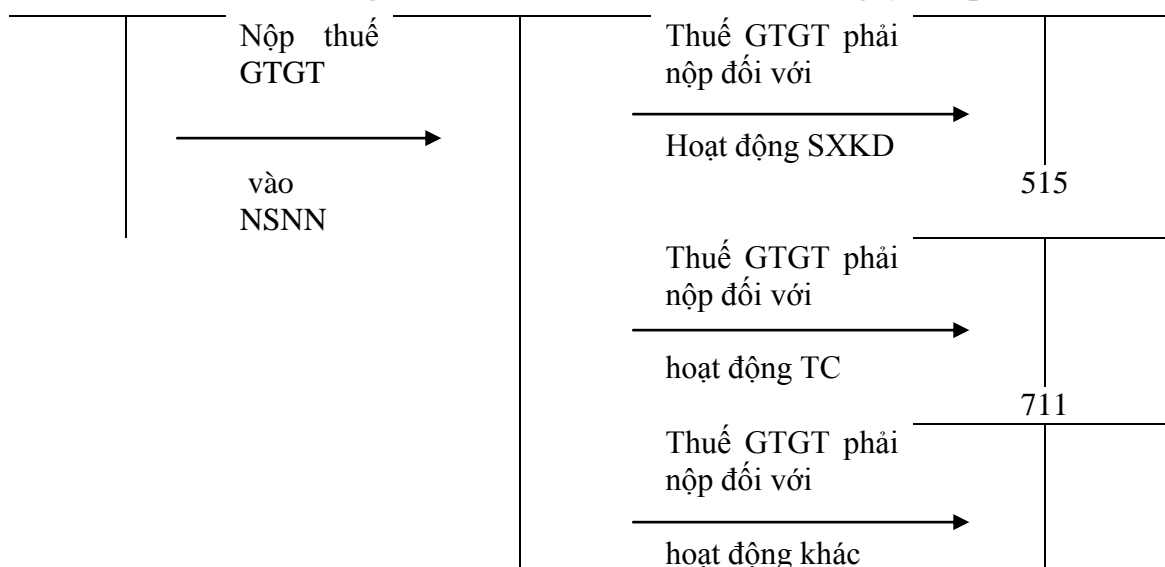
- (1): Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2): Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3): Thuế GTGT đầu ra.
- (4): Tổng giá thanh toán.
- (5): Khấu trừ thuế GTGT.
- (6): Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7): Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

3.2. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện tài khoản 133 và 33311. Do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

Cuối kỳ sau khi hạch toán số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:

111,112	3331	511
---------	------	-----

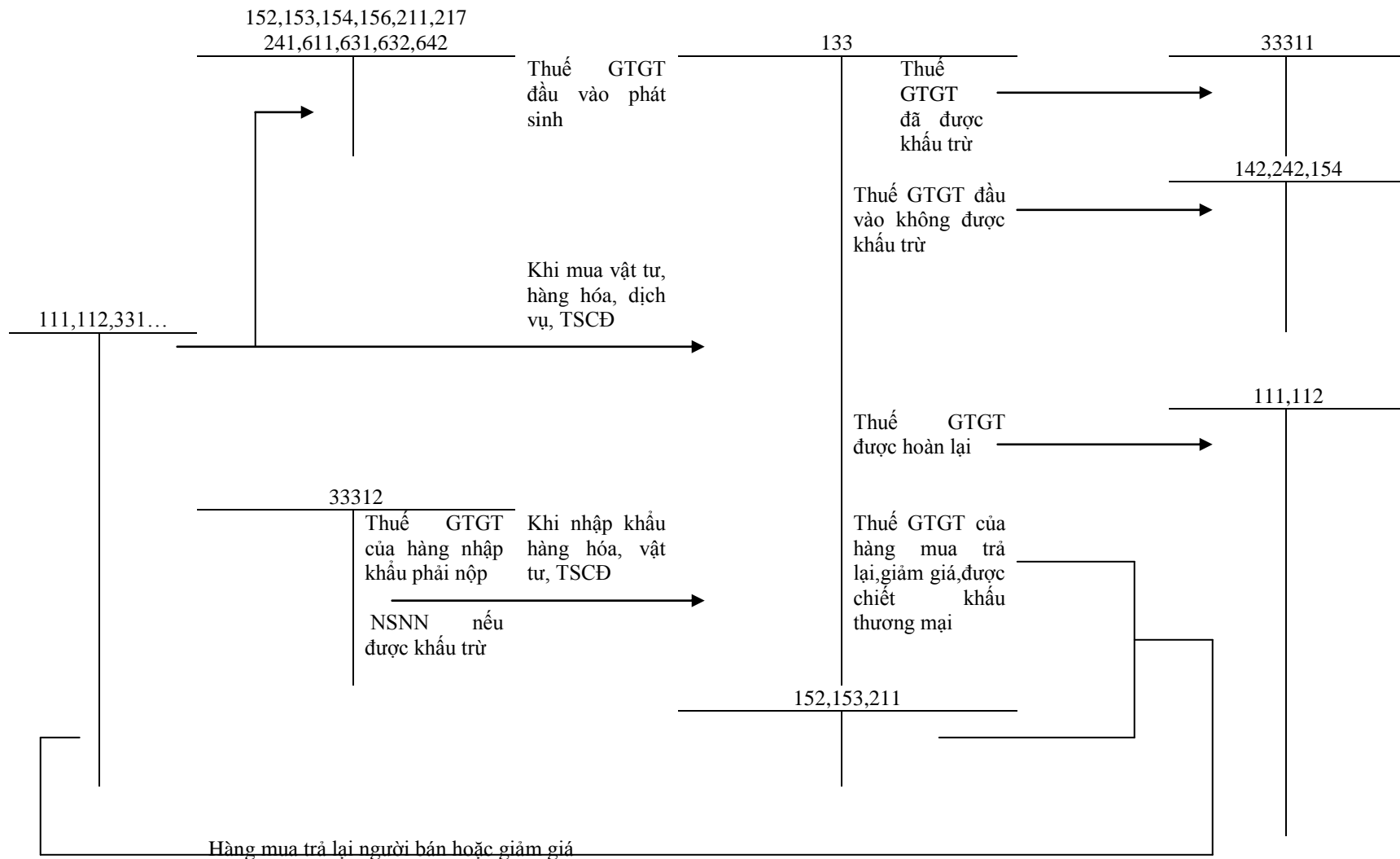


4. Tổ chức sổ kế toán

Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế GTGT cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

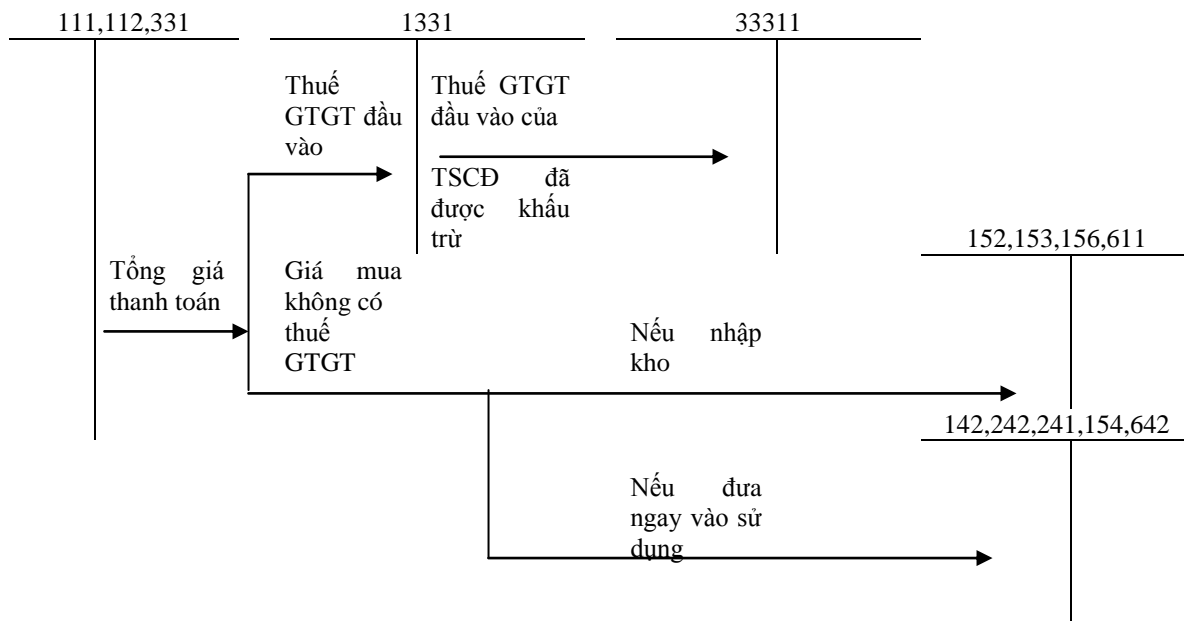
Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng hóa nhập khẩu), chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam)

KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO

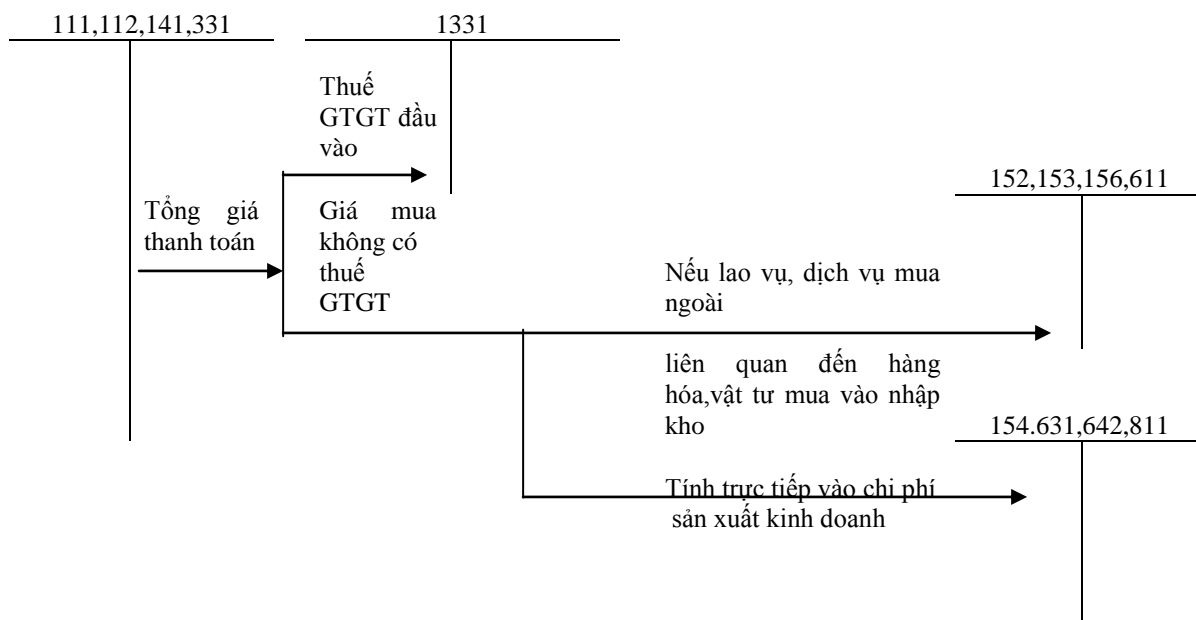


KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO

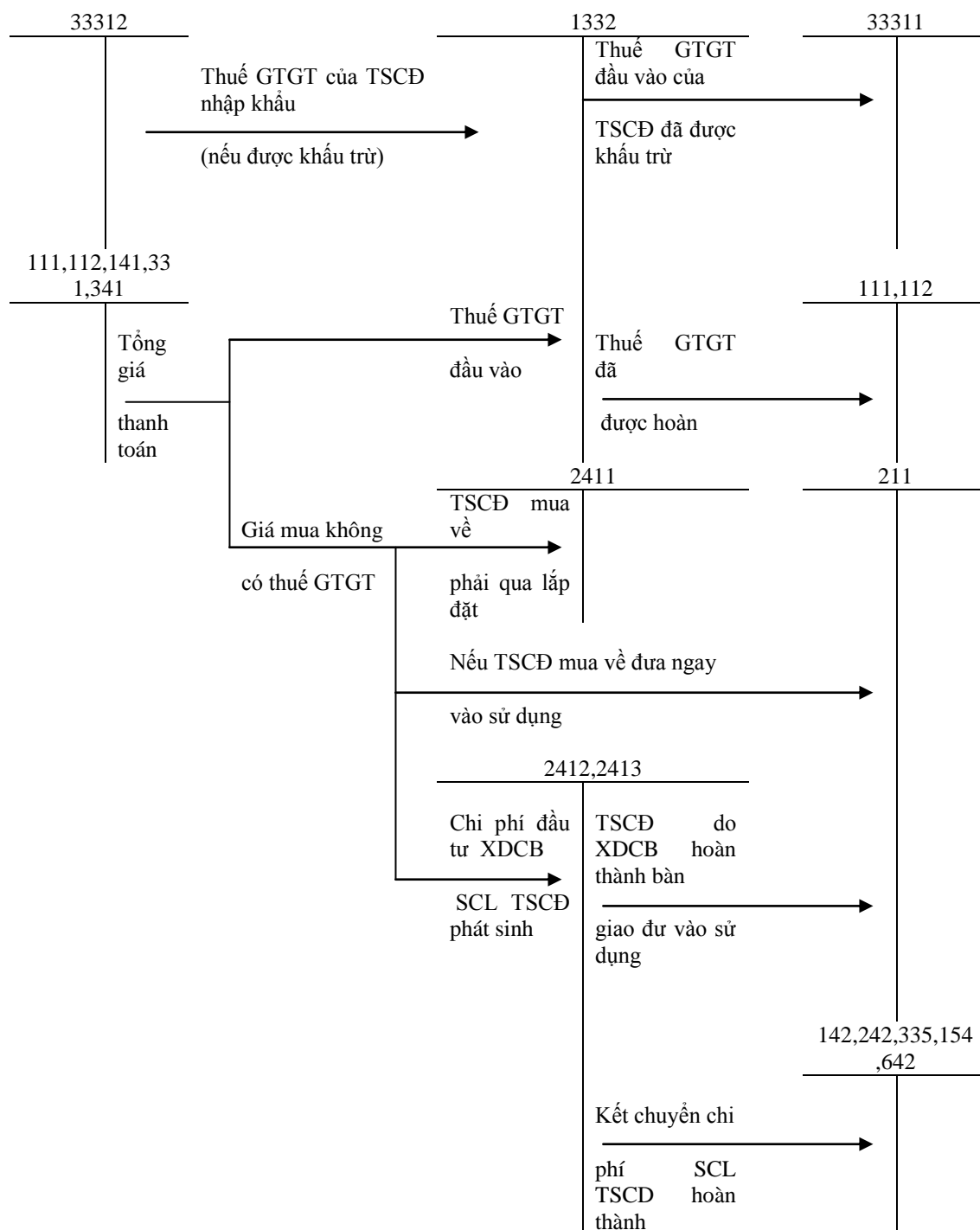
Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hóa mua nội địa:



Kế toán thuế GTGT đầu vào của hàng hóa dịch vụ mua ngoài:



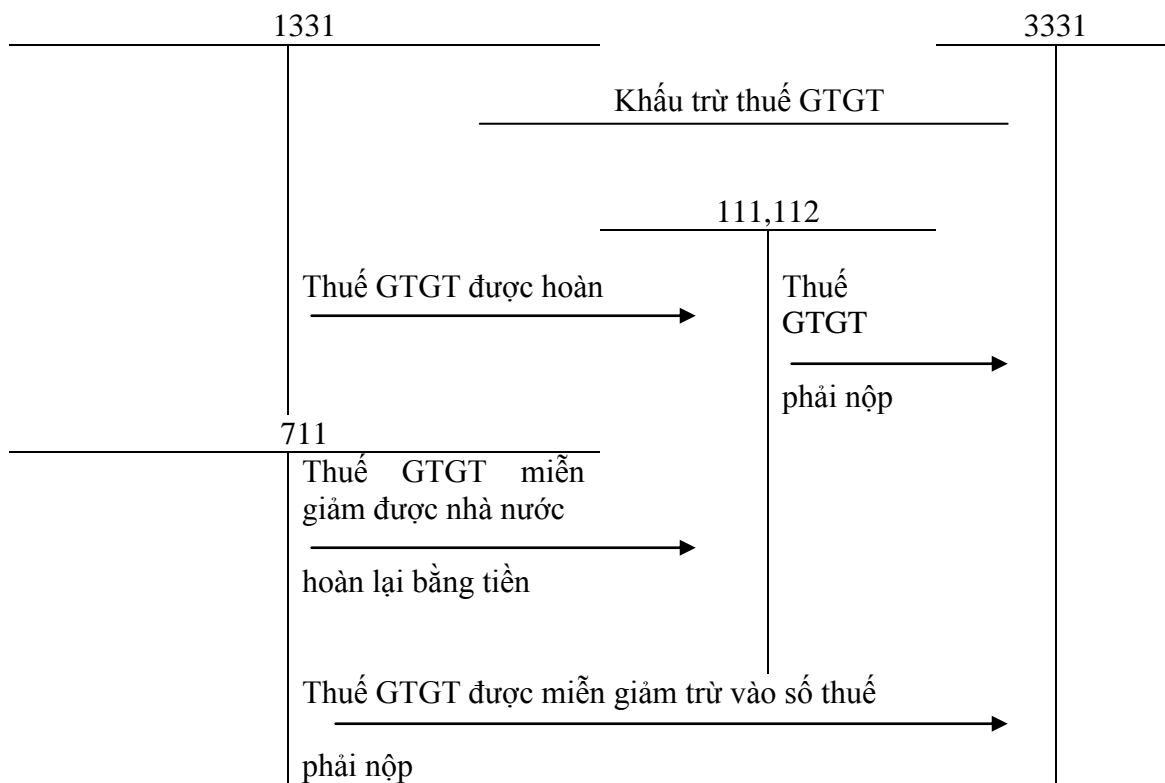
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA TSCĐ ĐẦU TƯ, MUA SẴM SỬA CHỮA:



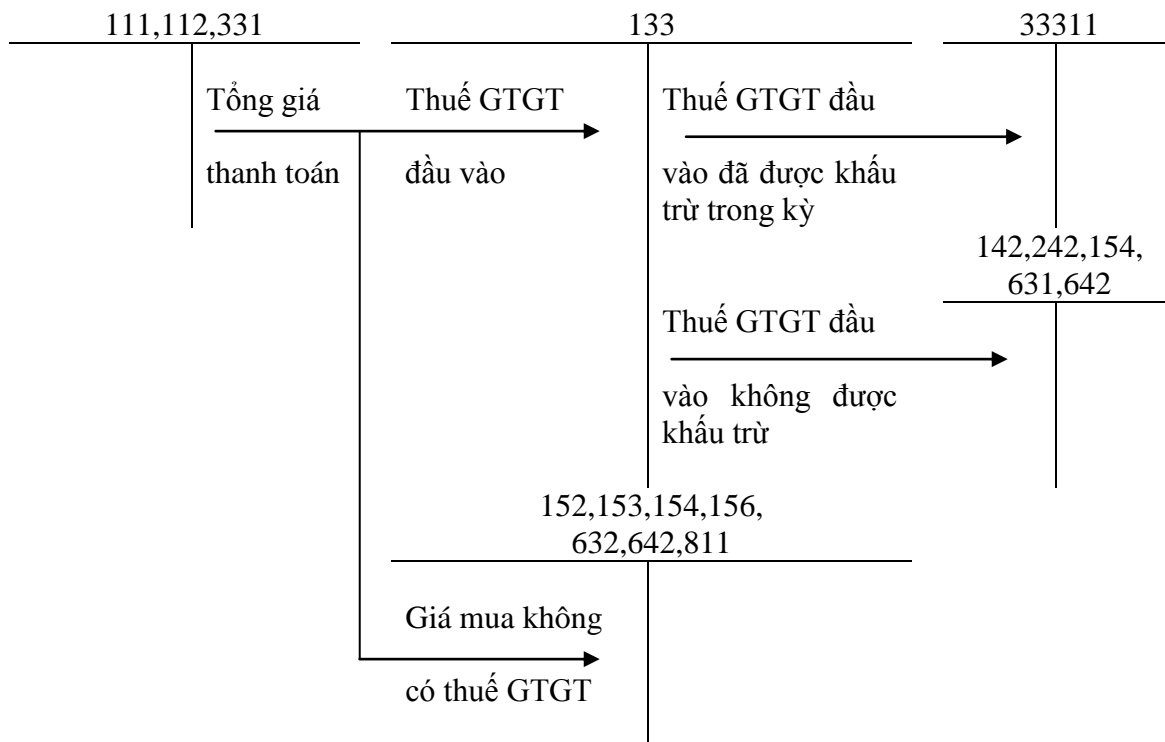
Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn GTGT hoặc có hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì doanh nghiệp không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào như: hóa đơn GTGT không ghi thuế GTGT (trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ đặc thù), không ghi hoặc ghi không đúng mã số thuế,

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

hóa đơn bị giả, hóa đơn bị tẩy xóa, hóa đơn không, hóa đơn ghi giá trị không đúng thực tế của hàng hóa, dịch vụ mua bán trao đổi.



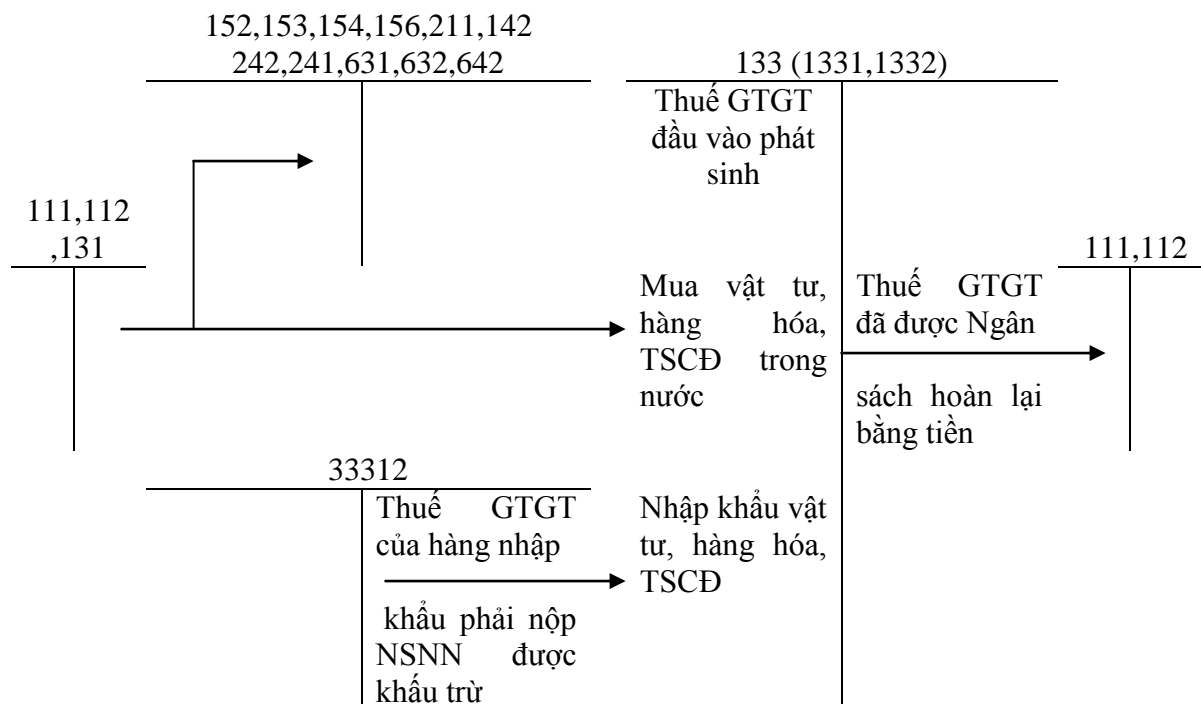
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO ĐÃ ĐƯỢC KHẤU TRỪ VÀ
KHÔNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ**



Lưu ý: thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua về dùng đồng thời cho hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, nhưng doanh nghiệp không hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Trường hợp này thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ giữa doanh thu, dịch vụ chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Thuế GTGT không được khấu trừ được phản ánh vào các tài khoản liên quan tùy theo từng trường hợp cụ thể: thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ ghi nợ TK 632/ có TK 133, phát sinh lớn phải phân bổ dần: ghi nợ TK 142, 242/ ghi có TK 133

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN

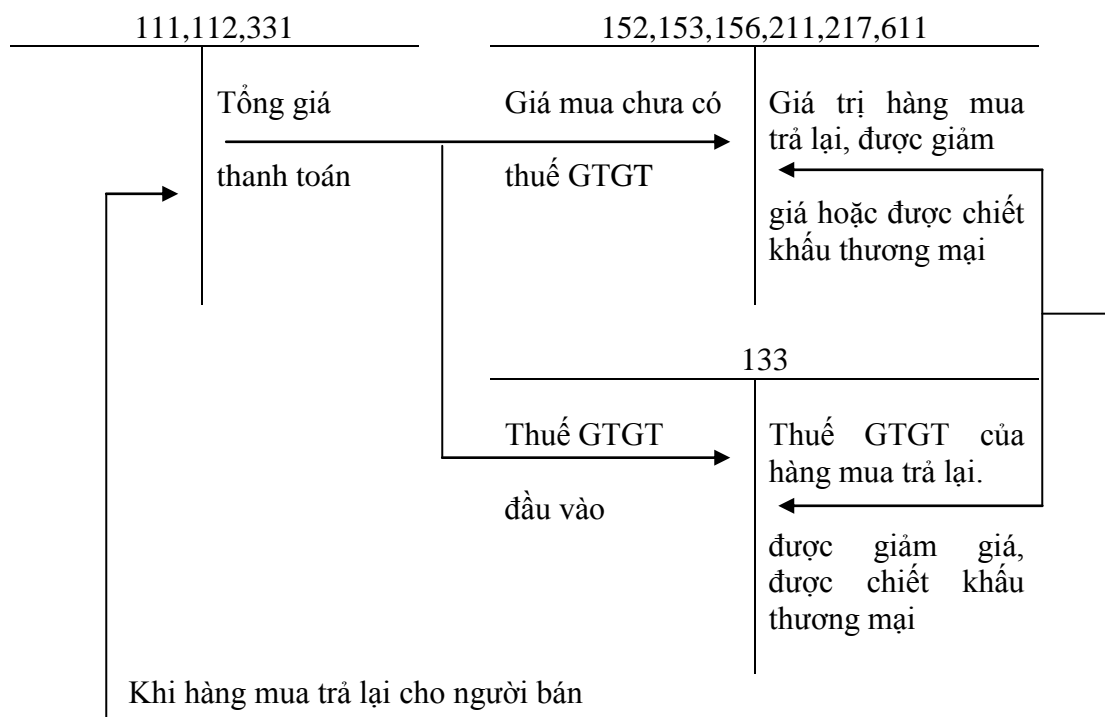


Chú ý:

1. Thuế GTGT được hoàn khi đã nhận được tiền của NSNN, ghi nợ TK 111, 112/ có TK 133.
2. Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được phép hoàn thuế trong các trường hợp sau:
 - Doanh nghiệp trong 3 tháng liên tục trở lên (không phân biệt theo quý của năm dương lịch cũng như niên độ kế toán) có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp này áp dụng cho cả doanh nghiệp có đầu tư mới, đầu tư chiều sâu.
 - Doanh nghiệp trong tháng có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. Doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế thuế GTGT phải đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định.

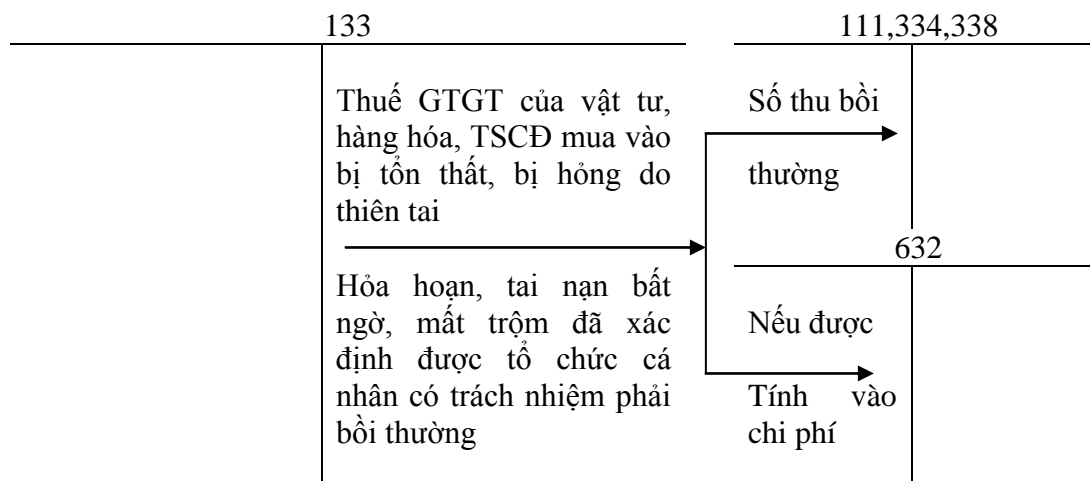
3. Doanh nghiệp đầu tư mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động phát sinh thuế đầu ra. Và thời gian đầu tư từ một năm trở lên thì doanh nghiệp vẫn phải lập tờ khai thuế hàng tháng và được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm dương lịch. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng quý (3 tháng liên tục không phân biệt theo năm).

KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI



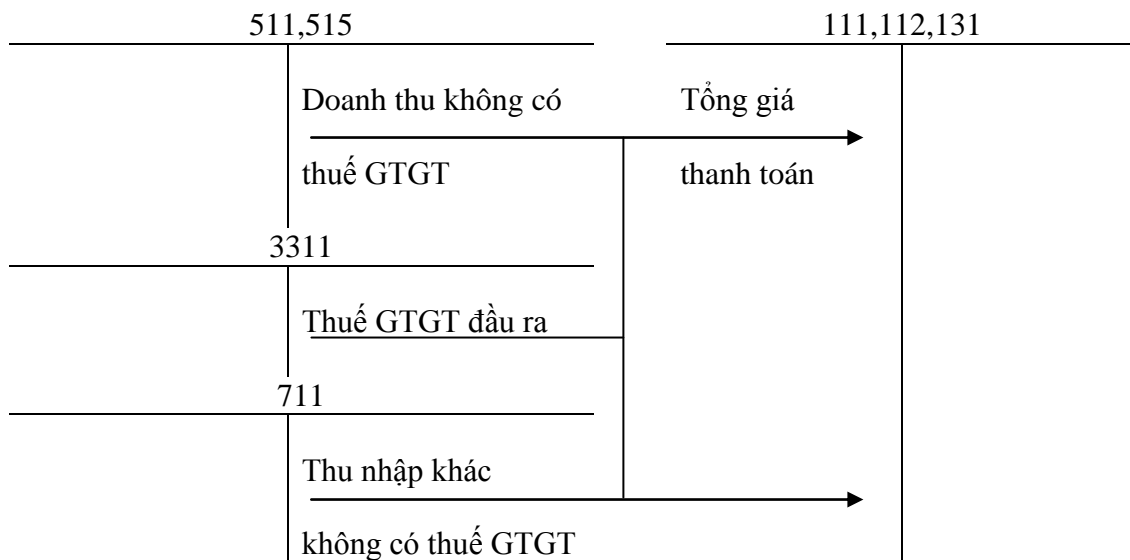
Được giảm giá hàng mua, được chiết khấu thương mại

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA VẬT TƯ, HÀNG HÓA, TSCĐ MUA VÀO BỊ TỒN THẤT

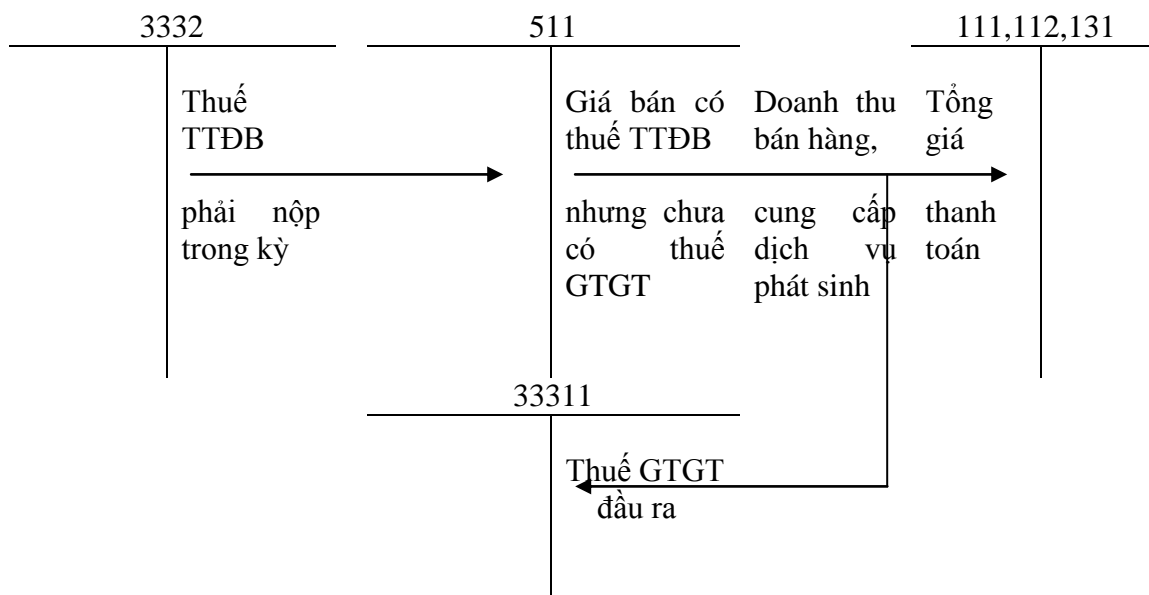


Chú ý: thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, vật tư, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, bị mất trộm, nếu xác định được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hóa này được tính vào giá trị hàng hóa tổn thất phải bồi thường không được khấu trừ.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA



KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CHỊU THUẾ TTĐB Ở KHÂU SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NSNN:



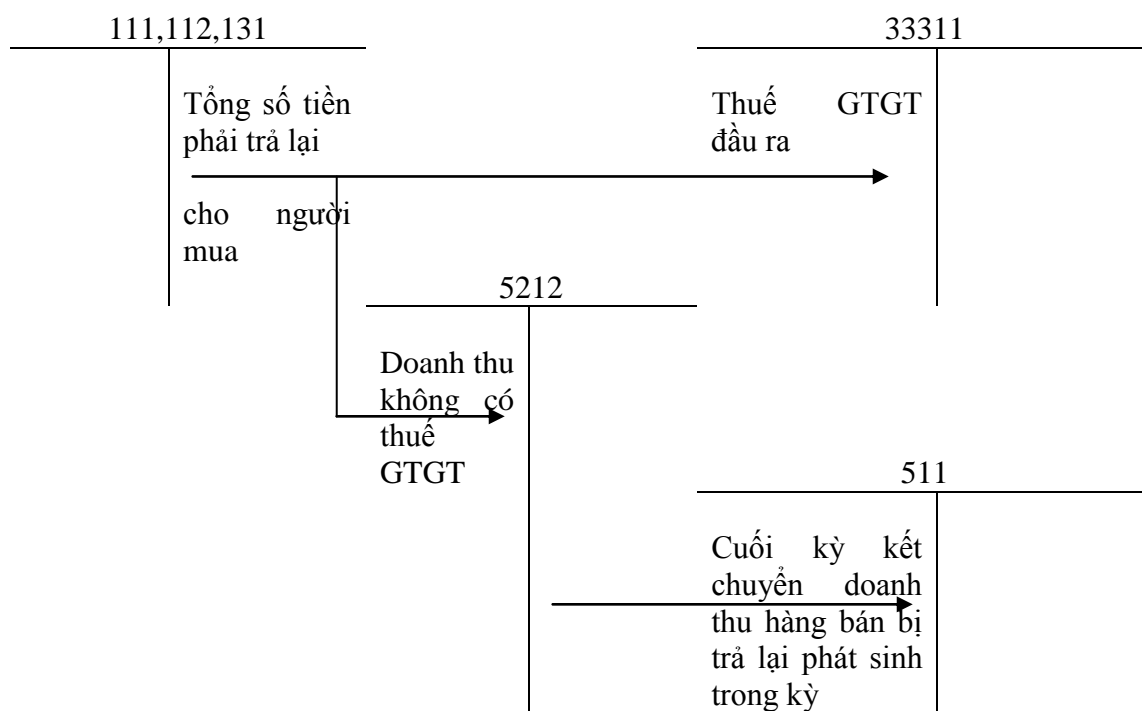
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa sản xuất trong nước là giá bán của doanh nghiệp chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT.

Giá TTĐB đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp chưa có thuế TTĐB và thuế GTGT

KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



Chú ý:

Khi mua hàng hóa, người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hóa, khi xuất hàng trả lại cho người bán, người mua phải lập hóa đơn, trên hóa đơn hàng hóa trả lại người bán do không đúng quy cách chất lượng, tiền thuế GTGT. Hóa đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua, bán, số thuế GTGT đã kê khai.

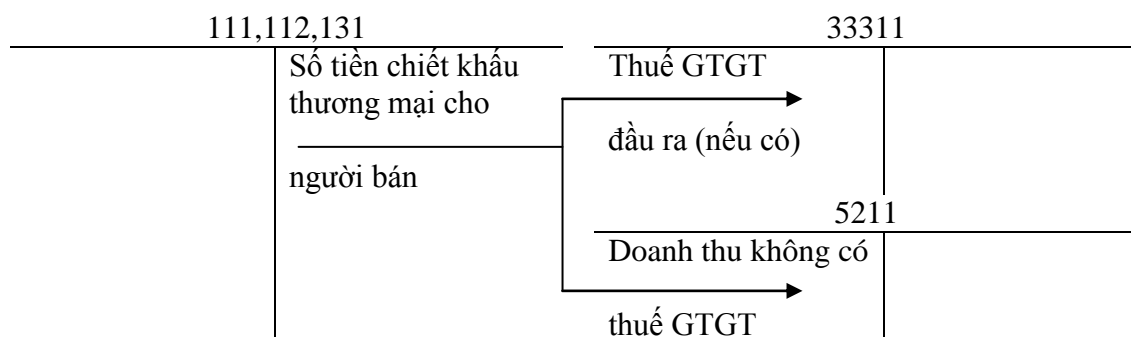
Nếu người mua là đối tượng không có hóa đơn, khi trả lại hàng hóa, bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản nêu rõ loại hàng hóa, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGt theo hóa đơn bán hàng, lý do trả hàng kèm theo hóa đơn trả cho bên bán. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh kê khai doanh số bán, thuế GTGT của bên bán.

Nếu người mua đã xuất hàng và lập hóa đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hóa không đúng quy cách chất lượng yêu cầu trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa, khi trả lại hàng bên mua, bên bán phải lập biên bản ghi rõ hàng hóa, số lượng, giá trị chưa có thuế GTGT, tiền thuế GTGT, lý do trả hàng theo hóa đơn bán hàng đồng thời kèm theo hóa đơn để gửi trả bên bán để bên bán lập lại hóa đơn GTGT cho số lượng hàng hóa đã nhận và làm căn cứ bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGt đầu ra.

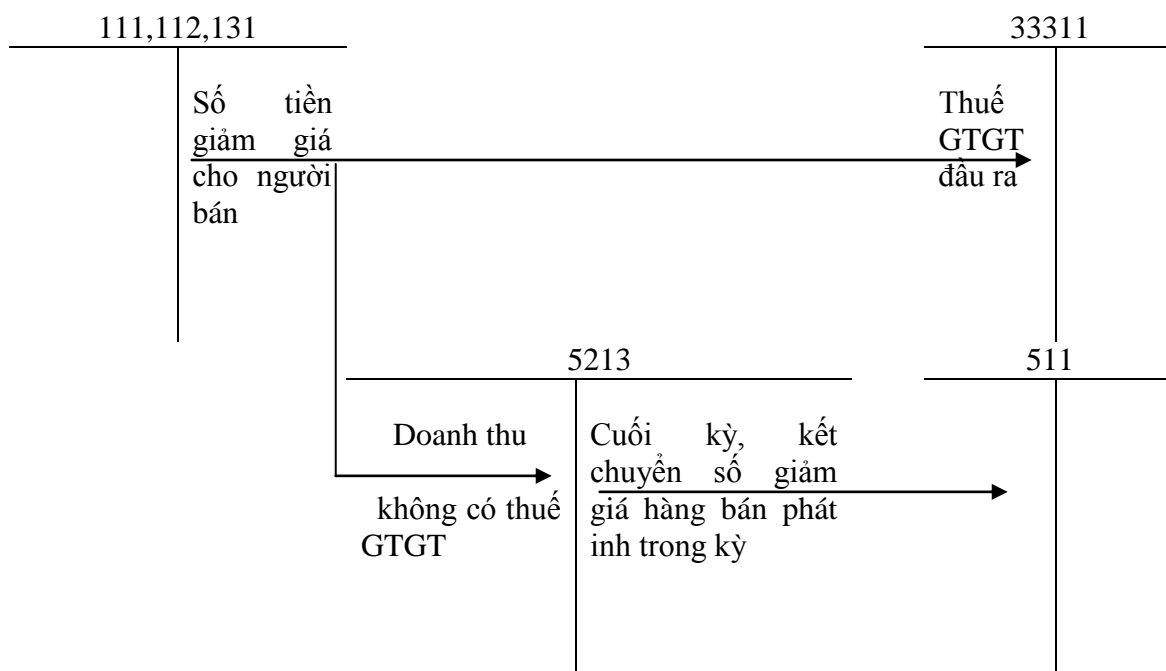
Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp, khi phát sinh hàng bán bị trả lại ghi: Nợ TK 5212/ có TK 111,112,131 (theo doanh thu bán hàng bị trả lại có cả thuế GTGT).

KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

1. Chiết khấu thương mại



2. Giảm giá hàng bán



Chú ý:

Hàng hóa, dịch vụ có giảm giá ghi trên hóa đơn thì trên hóa đơn phải ghi rõ: tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT (giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng bán, dịch vụ thực tế đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối kỳ hoặc kỳ tiếp sau. Trên hóa đơn phải ghi rõ số hóa đơn và số tiền được

giảm giá. Nếu khách hàng không tiếp tục mua hàng hóa thì cơ sở kinh doanh lập phiếu chi tiền chi khách hàng đúng quy định.

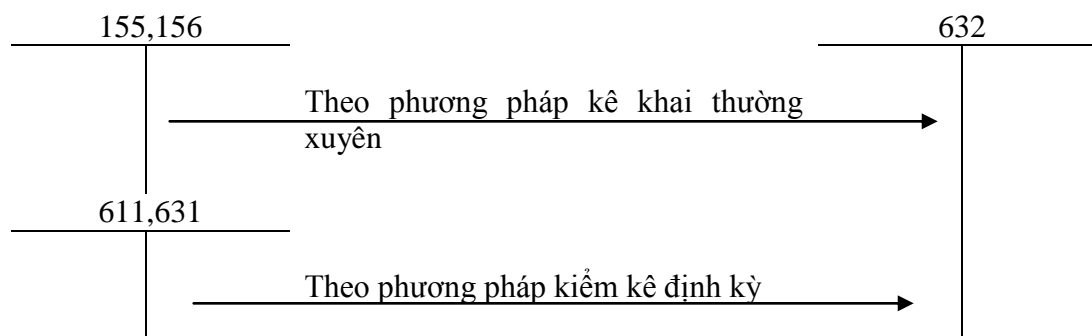
Đối với doanh nghiệp đã xuất bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và lập hóa đơn do hàng hóa và dịch vụ không đảm bảo chất lượng quy cách... phải điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hóa, mức giá tăng giảm theo hóa đơn bán hàng, lý do tăng giảm, đồng thời bên lập hóa đơn điều chỉnh mức giá được điều chỉnh.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM HÀNG HÓA DÙNG ĐỂ TRAO ĐỔI

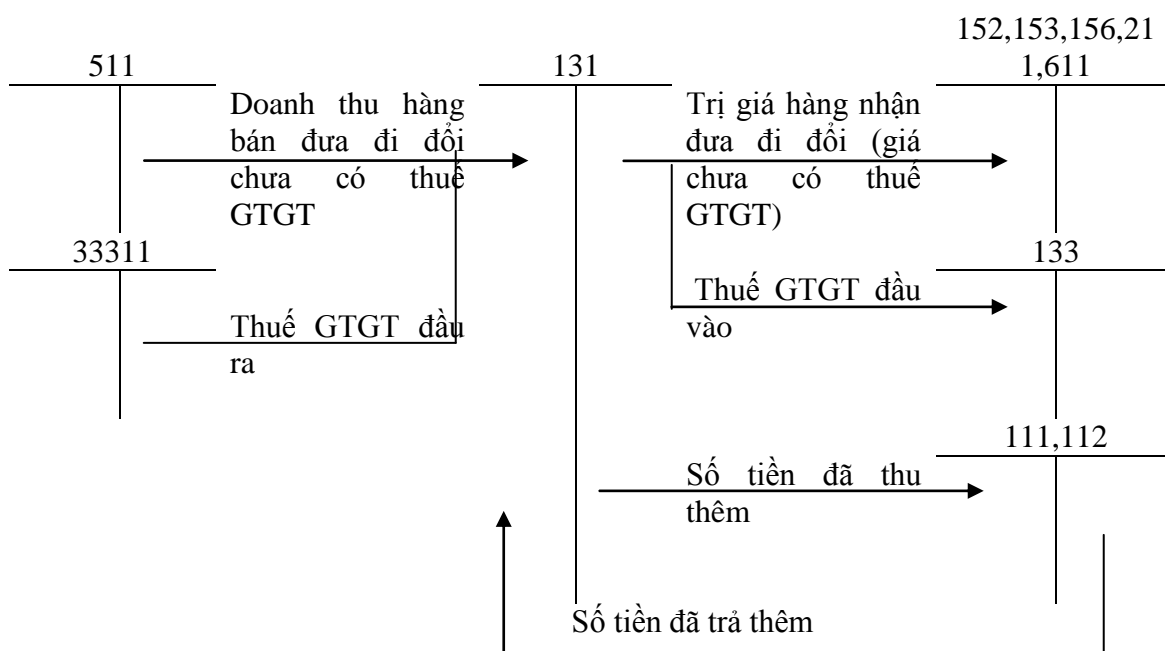
Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ

1. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ, vật tư, hàng hóa không tương tự để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

a. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi

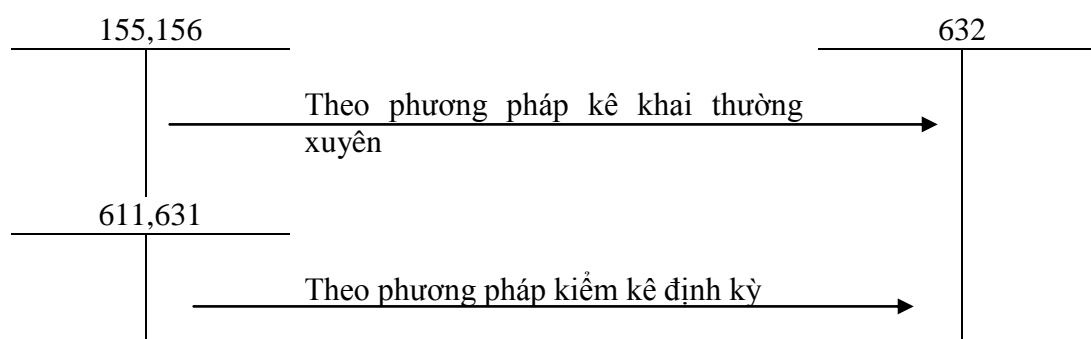


b. Đồng thời ghi

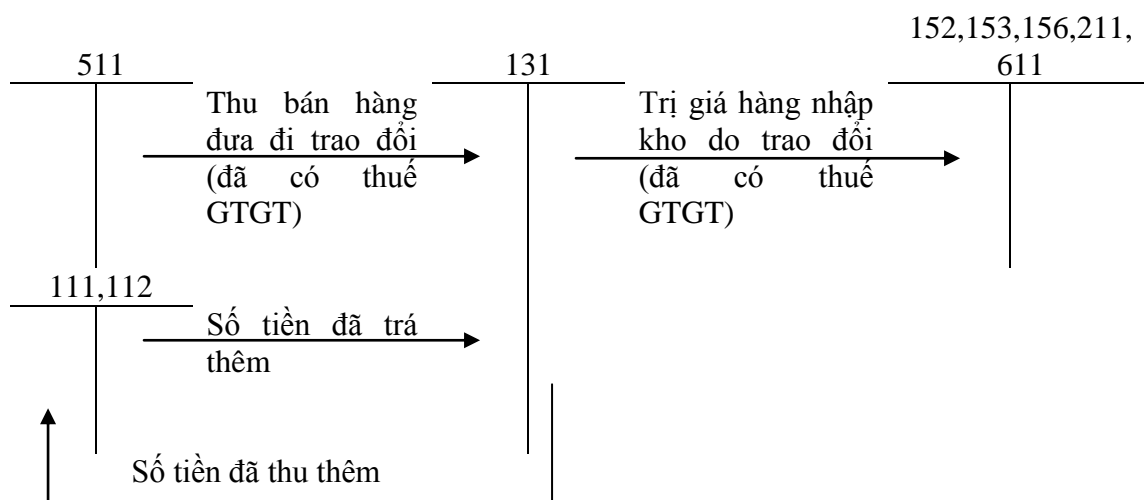


2. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ, vật tư, hàng hóa không tương tự để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

a. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đối



b. Đồng thời ghi:



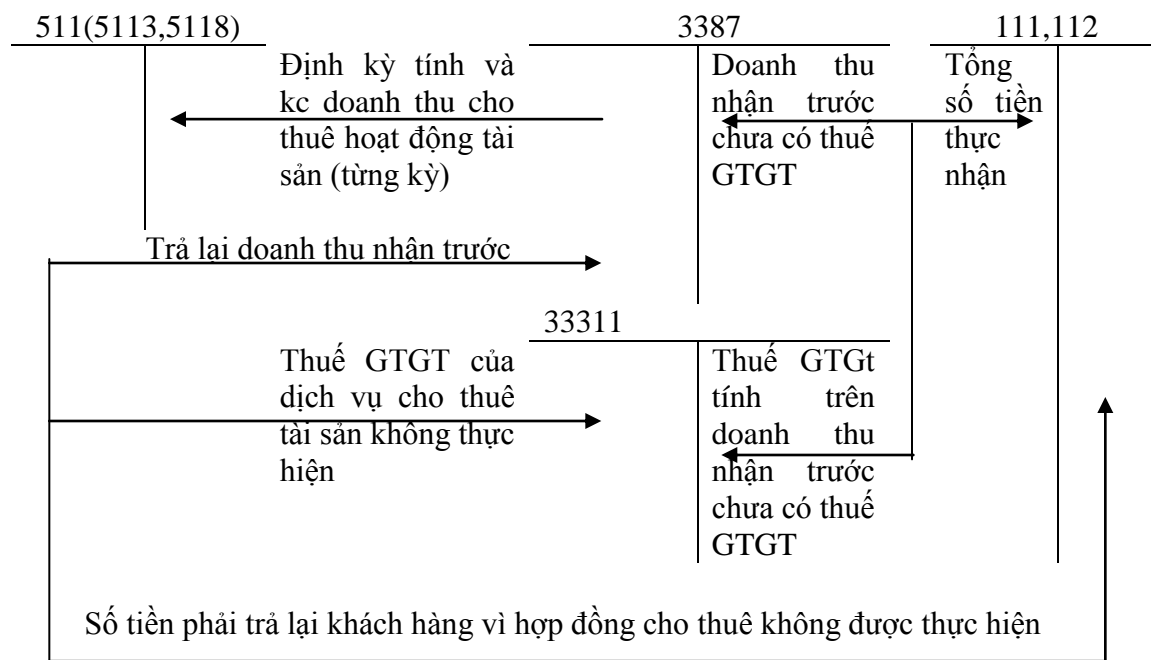
Chú ý:

Khi xuất hàng trao đổi phải lập hóa đơn bán hàng thông thường

Doanh thu hàng đưa đi đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu ra: trị giá hàng nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT DỊCH VỤ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG TÀI SẢN

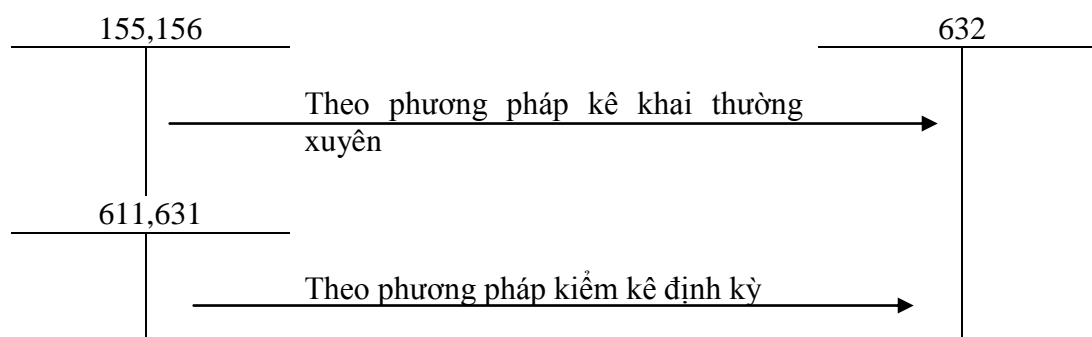
Trường hợp cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình hoặc bất động sản đầu tư (gọi chung là cho thuê hoạt động tài sản), thu tiền trước cho thuê nhiều kỳ, doanh thu của kỳ kế toán được xác định bằng tổng số tiền cho thuê hoạt động tài sản đã thu chia cho số kỳ thu tiền trước cho thuê hoạt động tài sản. Trong đó, doanh thu cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình phản ánh vào bên có TK 5113 (doanh thu cung cấp dịch vụ), doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư phản ánh vào bên có TK 5118 (doanh thu khác).



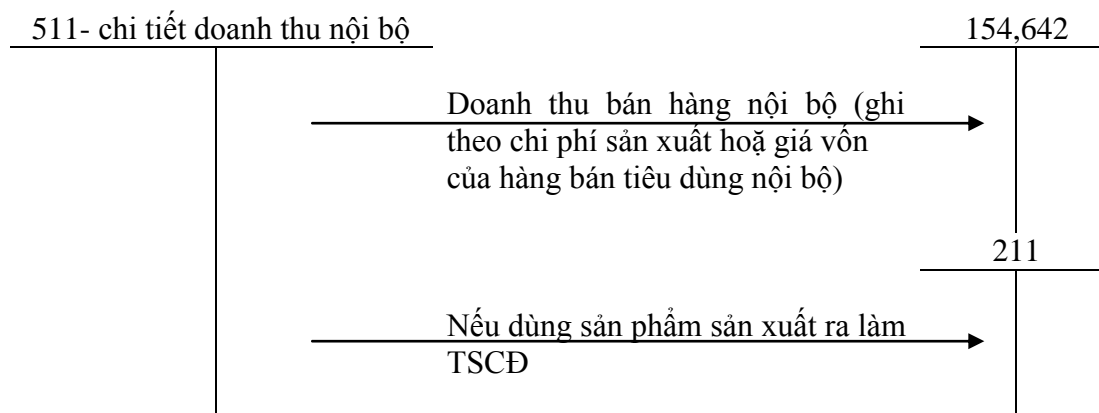
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TIÊU DÙNG NỘI BỘ, KHUYẾN MẠI, QUẢNG CÁO

1. Trường hợp sản phẩm hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ xuất kho để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ.

a. Phản ánh giá trị hàng xuất kho tiêu dùng nội bộ



b. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ



Chú ý:

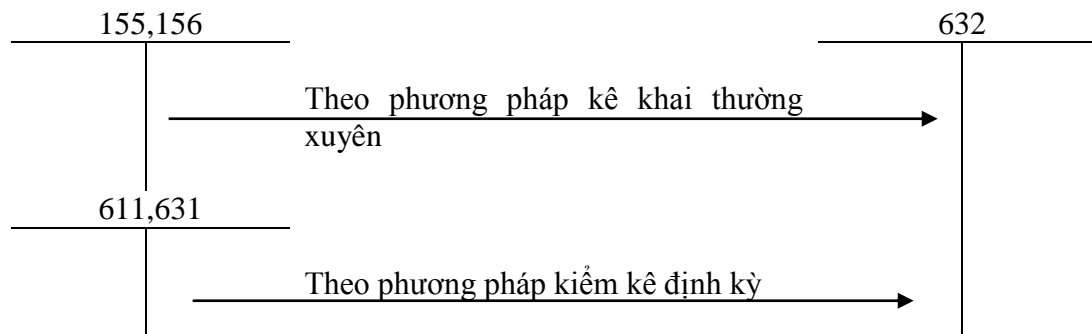
Đối với sản phẩm hàng hóa, xuất để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo để phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh nghiệp phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn GTGT ghi rõ là hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ sản xuất kinh doanh hay khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, doanh nghiệp dùng hóa đơn để làm chứng từ thanh toán.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm doanh nghiệp làm ra dùng để trang bị thưởng cho người lao động... được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trang bị hoặc thưởng cho người lao động

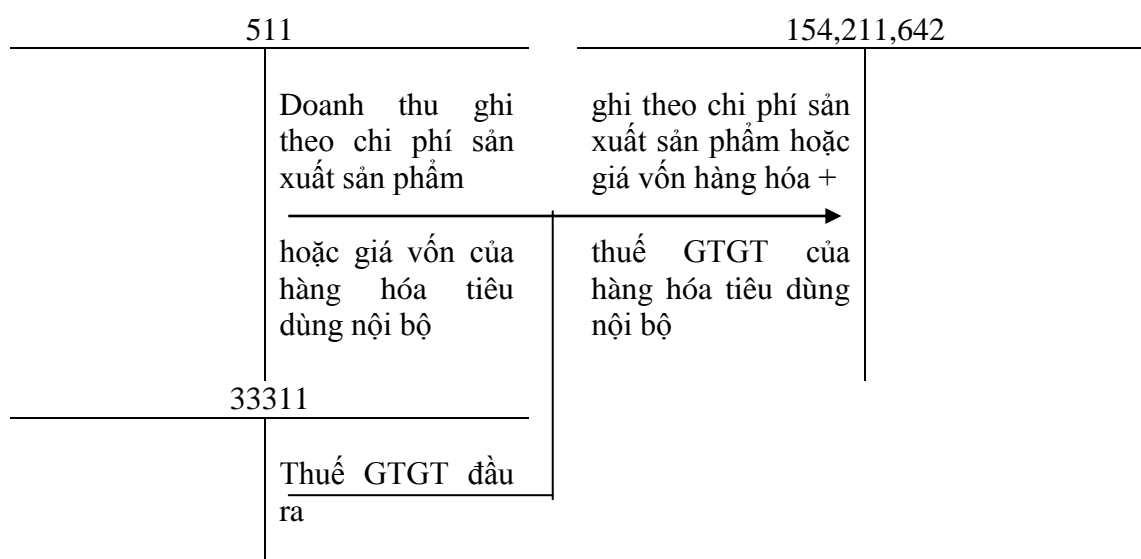
Đối với hàng, hóa dịch vụ do doanh nghiệp làm ra dùng để phục vụ cho quá trình SXKD

2. Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ được dùng để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì phải tính thuế GTGT đầu ra.

a. Phản ánh giá trị hàng xuất kho để tiêu thụ nội bộ



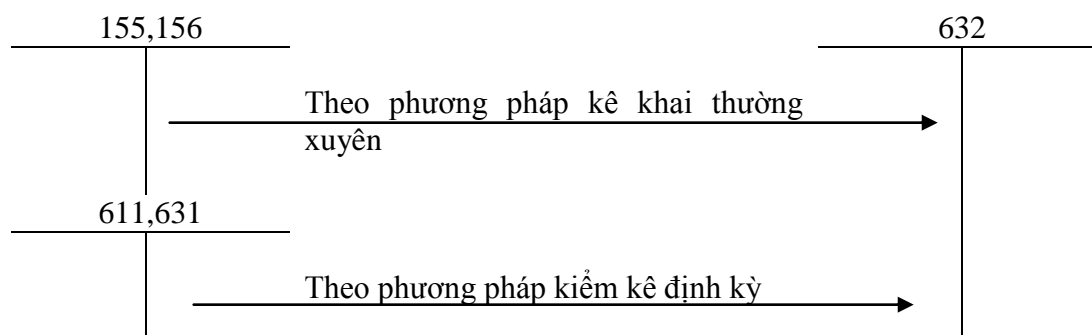
b. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng nội bộ



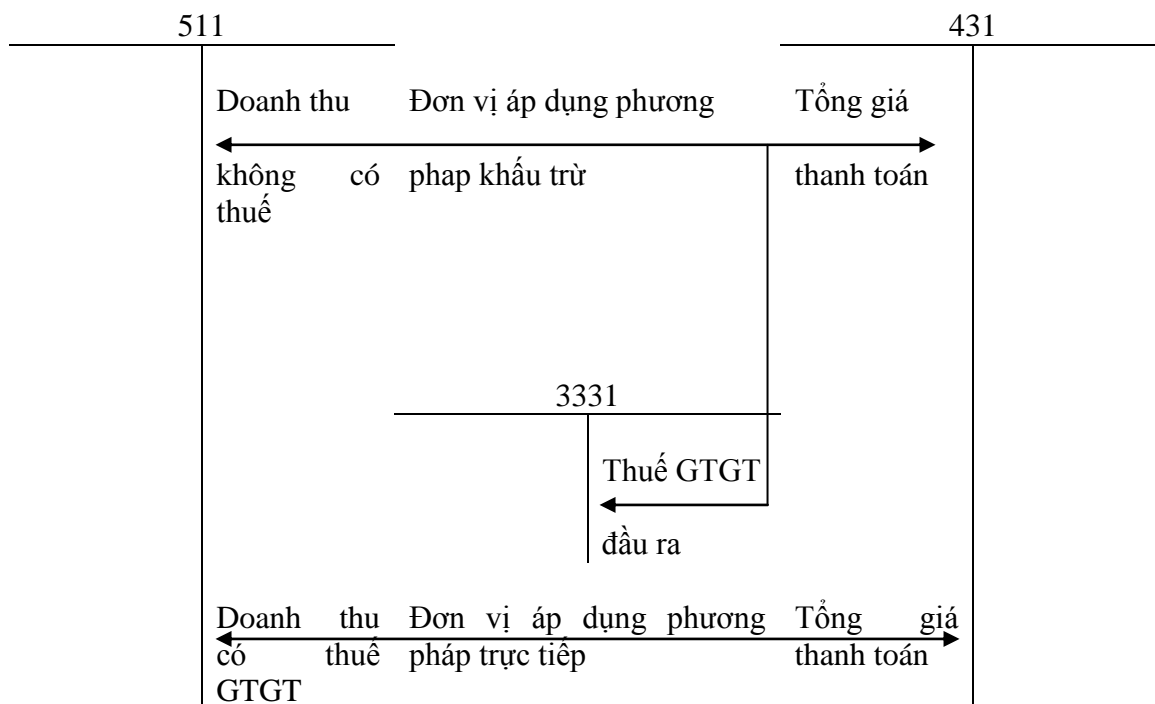
KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA ĐỂ BIỂU TẶNG

Trường hợp sử dụng sản phẩm, hàng hóa chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ để biếu tặng các đơn vị, các nhân bên ngoài được trang trải bằng quỹ khen thưởng phúc lợi thì số thuế GTGT đầu ra phải nộp NSNN không được khấu trừ.

1. Phản ánh giá trị hàng xuất kho để biếu tặng



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng:



Chú ý:

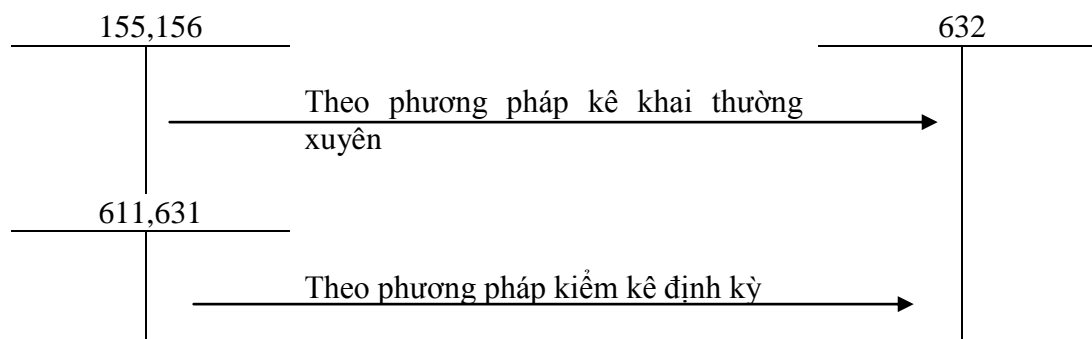
Khi doanh nghiệp xuất sản phẩm, hàng hóa để biếu tặng cho đơn vị, các nhân bên ngoài bằng quỹ khen thưởng phúc lợi phải lập hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

Giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hóa xuất để biếu tặng được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

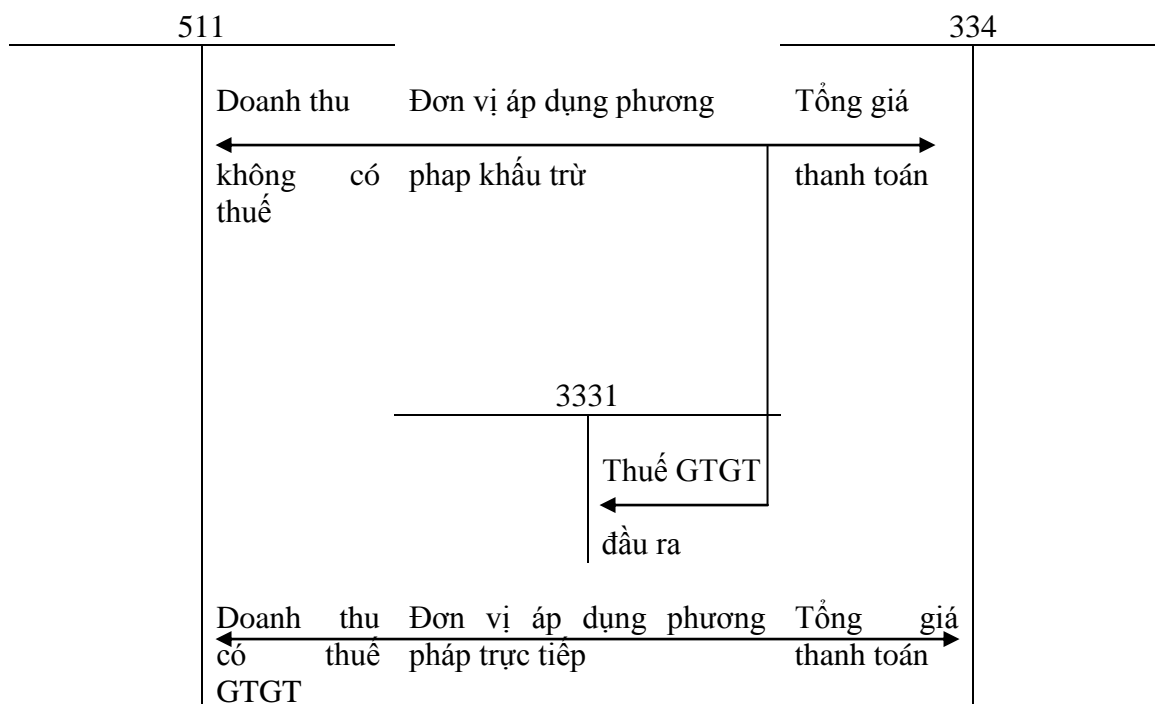
Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

**KẾ TOÁN SỬ DỤNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHỊU THUẾ GTGT ĐỂ TRANG BỊ,
THƯỜNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

1. Phản ánh giá hàng xuất kho để trang bị, thường cho người lao động



2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng



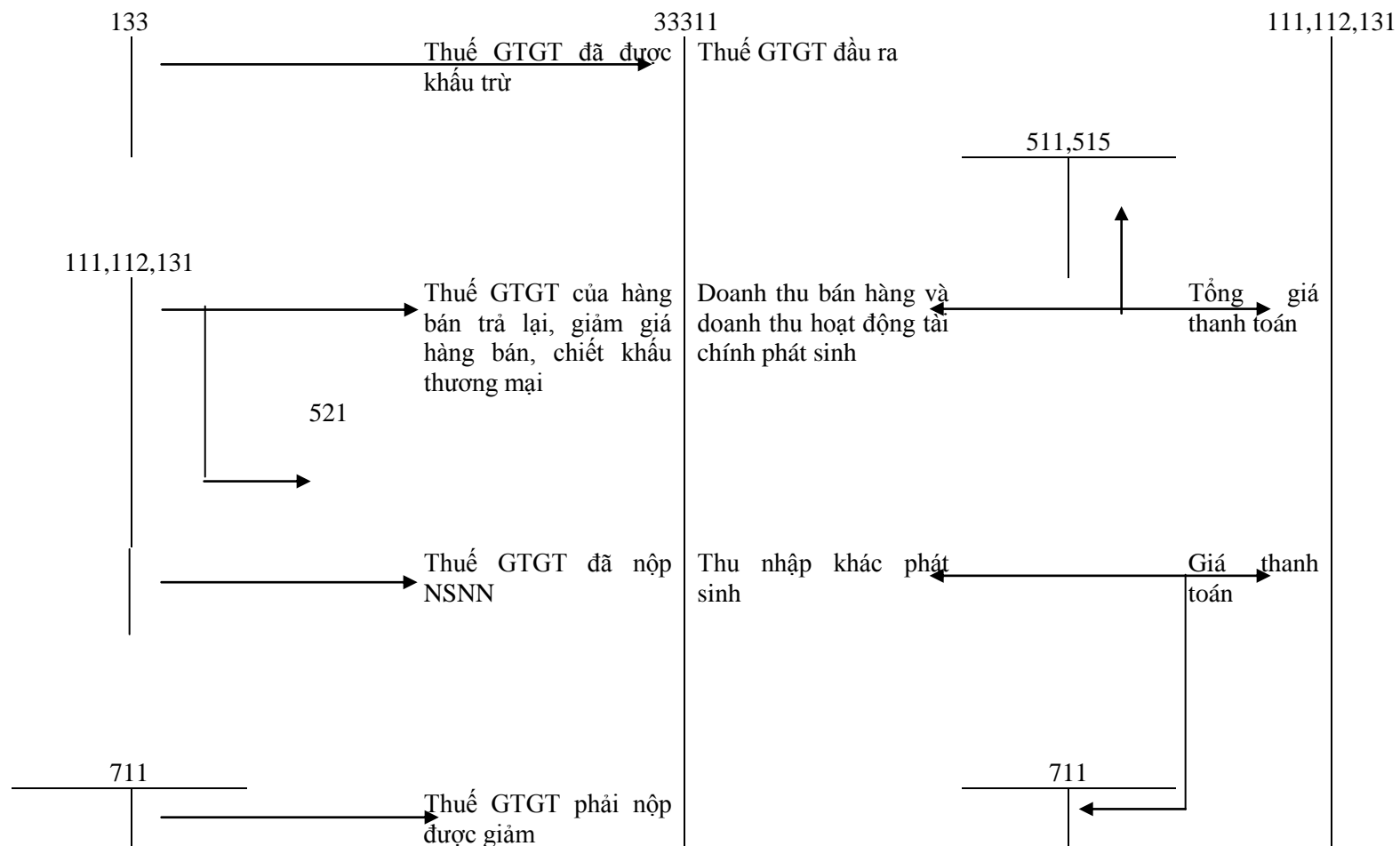
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với sản phẩm, hàng hóa xuất để trang bị, thường cho người lao động được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm hàng hóa xuất để trưng bày, thưởng cho người lao động được xác định là tiền để bán sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc trưng bày tại cùng thời điểm trưng bày, thưởng cho người lao động. Khi xuất sản phẩm hàng hóa để trưng bày, thưởng cho người lao động, đơn vị phải lập hóa đơn GTGT, hóa đơn phải ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

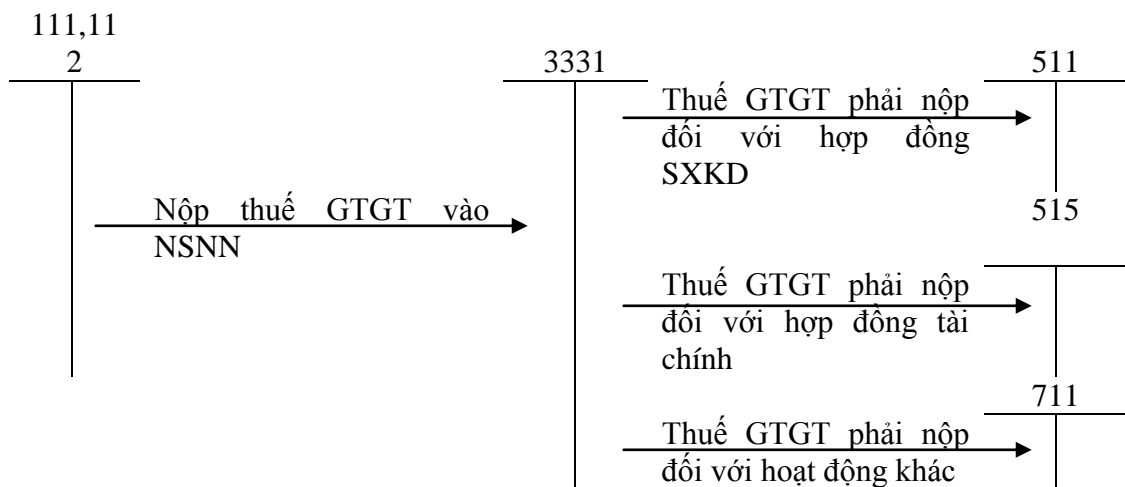
KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NSNN



KẾ TOÁN THUẾ GTGT PHẢI NỘP Ở DOANH NGHIỆP

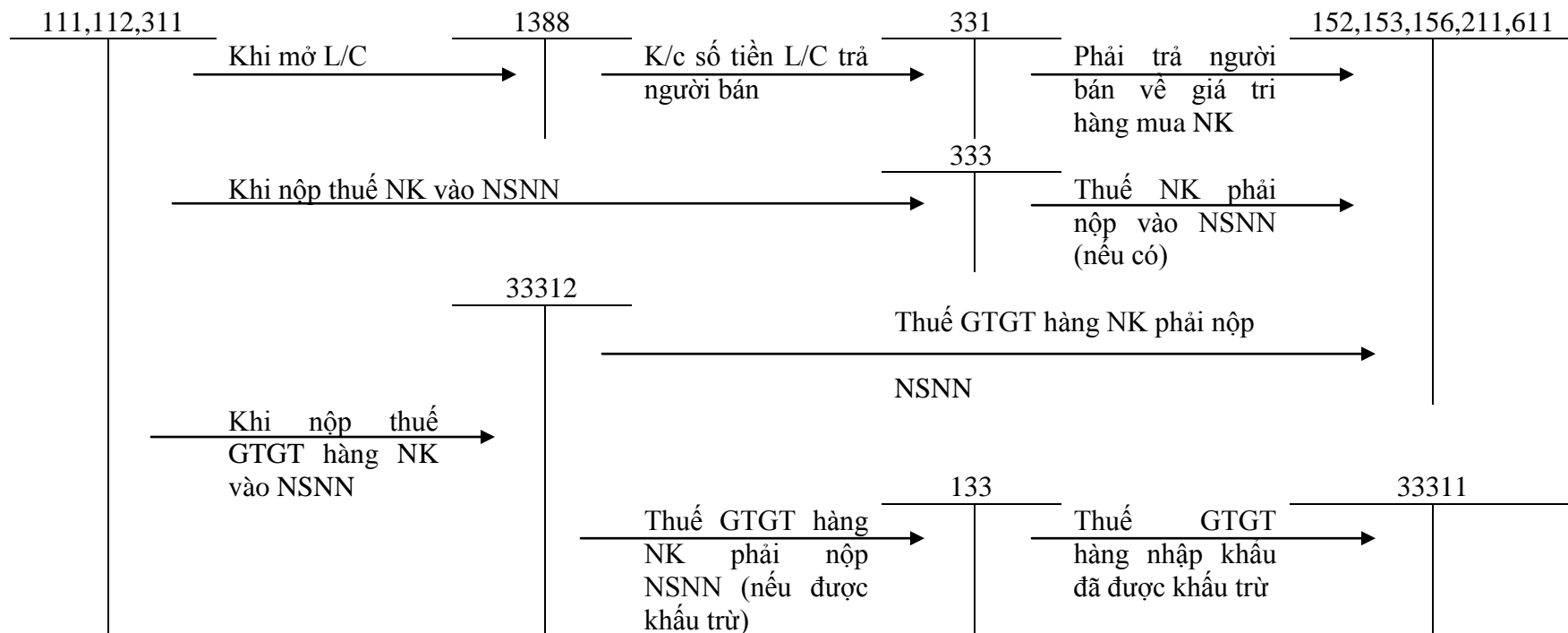
NỘP THUẾ GTGT TÍNH THEO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, cuối kì số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp ghi:



Chú ý: Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, khi bán hàng phải lập hóa đơn bán hàng thông thường, không sử dụng TK 133 và cuối tháng mới phản ánh số thuế GTGT phải nộp.

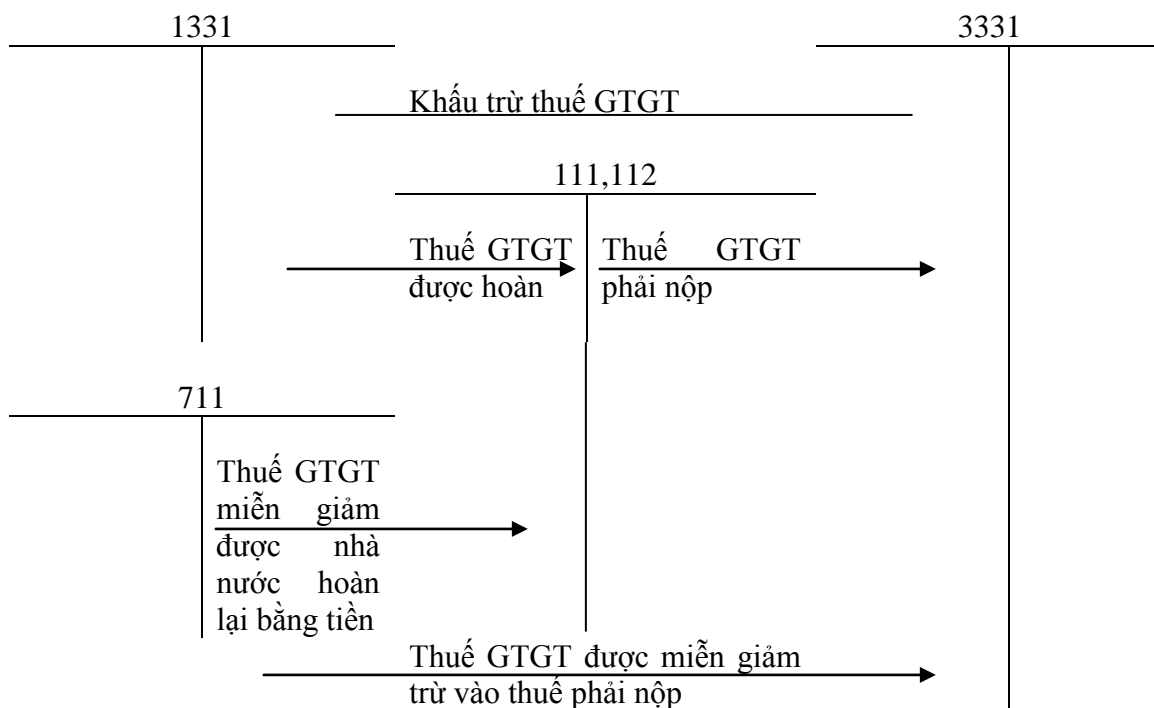
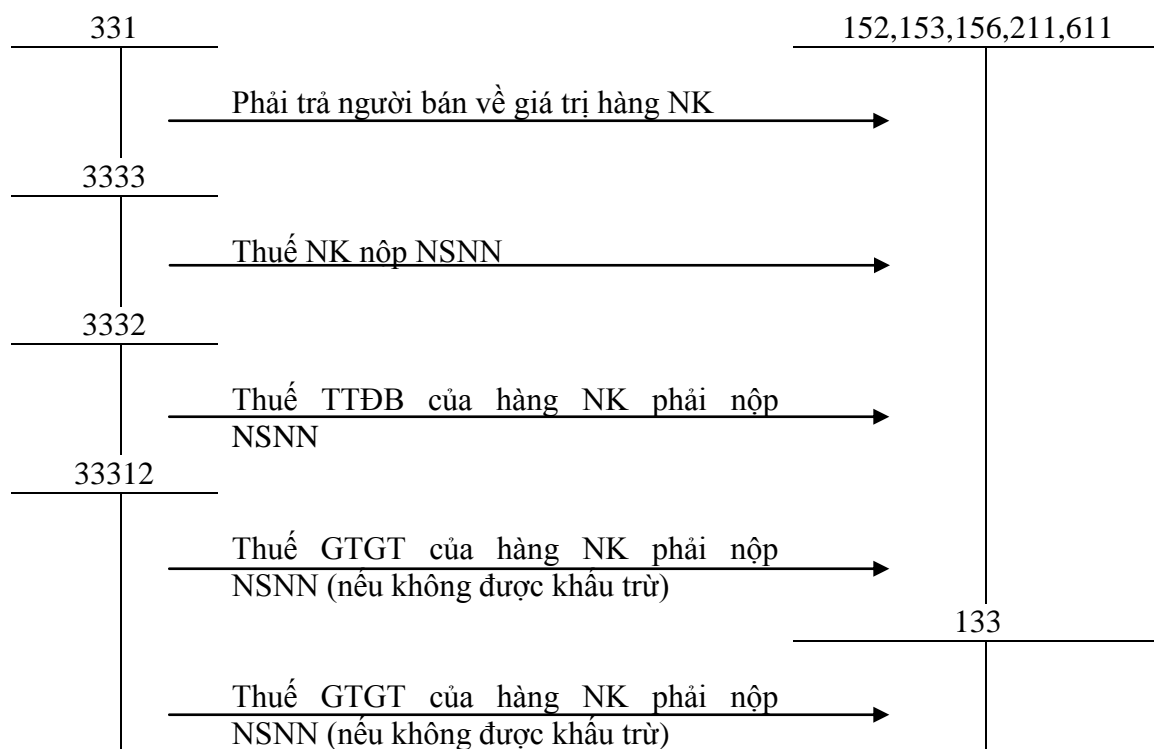
KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN



Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu là giá NK tại cửa khẩu + Thuế NK

2. Đối với hàng NK thuộc đối tượng đồng thời chịu 3 loại thuế: thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT



PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

2.1. Khái quát về Công ty Cổ phần Việt Xô

Tên công ty : Công ty cổ phần Việt Xô

Tên giao dịch : *Vietxo joint stock company*

Tên viết tắt: Vietxoco

Trực thuộc : Công ty XNK Rau quả I Hà Nội

Trụ sở : Số I Bến Bính-Phường Minh Khai- Quận Hồng Bàng -Thành phố Hải Phòng.

ĐT : 031 3842 246; 031 3841 073

Fax : 031 3842 246

Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô được xây dựng và đi vào sản xuất từ năm 1975. Nhiệm vụ chủ yếu là kho đông lạnh thực phẩm và làm mát rau quả phục vụ xuất khẩu của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Công ty Cổ phần Việt Xô là một doanh nghiệp được hình thành từ việc cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước Nhà máy lạnh hữu nghị Việt Xô thuộc công ty XNK Rau quả I Hà Nội theo Quyết định số 3813/QĐ/BNN-TCCB của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ngày 1/1/2003

Vốn điều lệ được các cổ đông đóng góp bằng tiền Việt Nam tại thời điểm hiện nay là 3.600.000.000đồng (ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Trong đó

Tài sản cố định : 1.072.671.056.

Tài sản lưu động: 2.527.328.944

Cơ cấu vốn theo sở hữu:

Vốn sở hữu thuộc công ty cổ phần XNK Rau quả 1 là 1.200.000.000 đồng chiếm 33,33%

Vốn sở hữu của các cổ đông là: 2.400.000.000 đồng, chiếm 66,67%

2.1.1 Đặc điểm tổ chức kinh doanh và quản lý của Công ty Cổ phần Việt Xô

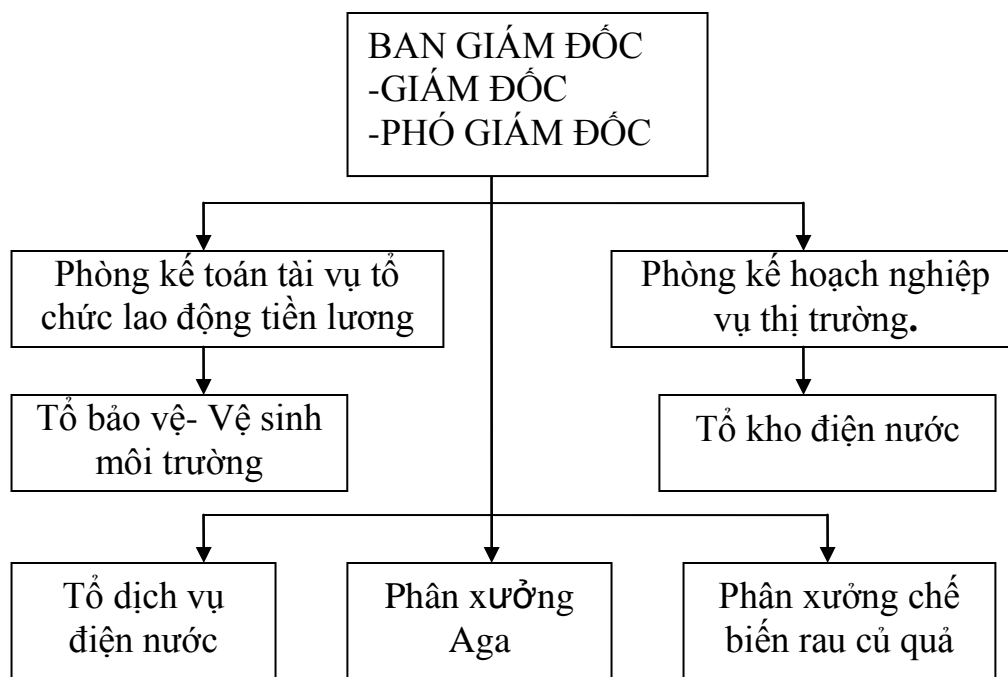
2.1.1.1. Đặc điểm tổ chức kinh doanh,

Từ ngày chuyển sang công ty cổ phần Việt Xô đến nay công ty sản xuất kinh doanh các mặt hàng sau:

- Chế biến lương thực thực phẩm, nông sản, súc sản, lâm sản(trừ mặt hàng nhà nước cấm).
- Sản xuất nước uống có cồn và không có cồn.
- Kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu hàng hoá của doanh nghiệp sản xuất và chế biến hoặc phục vụ cho sản xuất và chế biến của doanh nghiệp.
- Kinh doanh kho lạnh kho mát, kho thường.
- Kinh doanh vận tải.
- Kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà làm việc, nhà hàng khách sạn dịch vụ du lịch.
- Dịch vụ tiếp nhận hàng hóa qua kho cảng.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh.

2.1.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Sơ đồ Bộ máy quản lý Công ty cổ phần Việt Xô



Nhiệm vụ của từng phòng ban

1. Ban giám đốc

Quản lý toàn bộ mọi hoạt động của công ty, soạn thảo công bố chính sách, chiến lược, chịu trách nhiệm cao nhất đối với chất lượng sản phẩm, phân công trách nhiệm quyền hạn cho các cán bộ lãnh đạo từ cấp trưởng phòng trở lên, sắp xếp, bố trí cán bộ, tổ chức sản xuất theo yêu cầu của hệ thống chất lượng. Tổ chức chỉ đạo, phê duyệt các báo cáo, hợp đồng tiêu thụ sản phẩm.

2. Phòng kế toán - tổ chức lao động - tiền lương.

- Tập hợp các chứng từ phát sinh để vào sổ kế toán kịp thời, chính xác đúng quy định hiện hành. Từ đó tham mưu cho giám đốc trong hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo đúng chế độ.

- Quản lý công tác tài chính, theo dõi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dưới hình thức tiền tệ, mua sắm vật tư, thiết bị, tập hợp các chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, tình hình tiêu thụ sản phẩm, xác định kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Báo cáo quyết toán tài chính quý, năm trình giám đốc phê duyệt và báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan.

- Thực hiện chi trả các khoản lương và các chính sách khác đến tay người lao động.

- Bảo vệ + an toàn lao động.

- Vệ sinh môi trường, cảnh quan.

3. Phòng kế hoạch - nghiệp vụ - thị trường.

- Có nhiệm vụ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, tìm kiếm khách hàng, xây dựng các hồ sơ dự thầu, đấu thầu, lập kế hoạch tiêu thụ sản phẩm và các kế hoạch khác.

- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh dài hạn, ngắn hạn, trung hạn, ý kết các hợp đồng kinh tế, tổ chức theo dõi quá trình thi công trên các công trình.- Quản lý hệ thống kho tàng vật tư hàng hoá và sản phẩm của công ty, quản lý thiết bị sản xuất, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

- Kinh doanh và phát triển thị trường.- Đề ra tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh công nghiệp và PCCC.

- Xây dựng cơ bản.

4. Tổ dịch vụ điện nước

- Xây dựng kế hoạch chủ động tìm việc dịch vụ lắp đặt, sửa chữa cơ điện lạnh ngoài công ty và hỗ trợ cơ điện lạnh của công ty.

5. Phân xưởng Aga, phân xưởng chế biến rau củ quả.

- Lập kế hoạch sản xuất quý, năm của công ty.

- Hợp tác cùng các phòng quản lí chủ động nhân lực, vật tư, nguyên vật liệu, thị trường.

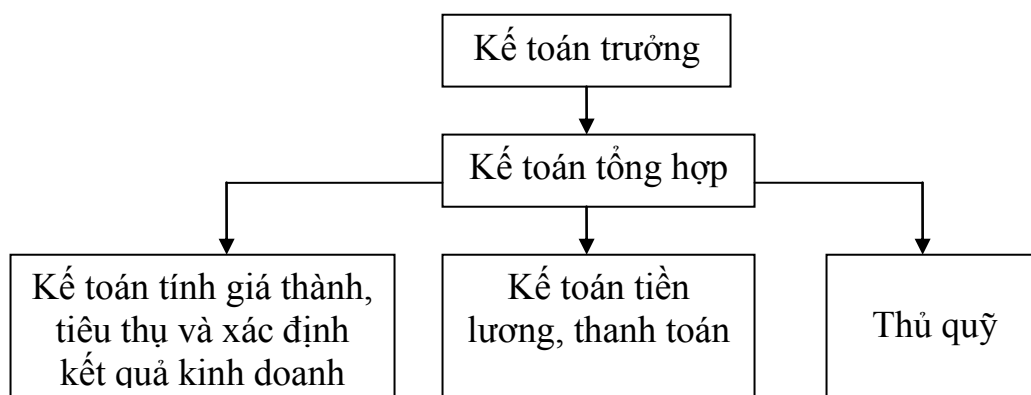
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm , an toàn

2.1.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Việt Xô.

2.1.2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Việt Xô được tổ chức theo mô hình tập trung, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được tập trung tại phòng kế toán Công ty. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra, thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ, chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về thông tin tài chính của Công ty, từ đó tham mưu cho ban giám đốc để đề ra biện pháp, các quyết định phù hợp với đường lối phát triển của Công ty.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ



Bộ máy kế toán của công ty gồm có 4 người: 1 kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp và 3 kế toán viên.

1. Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính kế toán):

Là người điều hành bộ máy kế toán của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về kế toán tài chính của đơn vị, có nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra công tác kế toán của từng nhân viên, duyệt các chứng từ mua bán, chứng từ thu chi phát sinh. Chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán về mặt nghiệp vụ từ việc chi chép ban đầu đến việc sử dụng sổ sách kế toán do bộ tài chính ban hành, quy định mối quan hệ phân công công tác trong bộ máy kế toán.

Tổng hợp các số liệu kế toán trên cơ sở sổ sách do kế toán viên cung cấp và tiến hành lập báo cáo quyết toán, trực tiếp thông báo, cung cấp thông tin nhằm tư vấn cho giám đốc Công ty về vấn đề tài chính, kế toán của công ty.

2. Kế toán lương và thanh toán

Căn cứ vào bảng chấm công của các phòng và căn cứ vào định mức hệ số lương của các cán bộ công nhân viên để tính toán tiền lương.

Thanh toán các khoản lương phụ cấp, cho cán bộ CNV, trích trả các khoản BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn của công nhân theo chế độ.

3. Kế toán tính giá thành tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh:

Phản ánh nhập-xuất-tồn kho nguyên vật liệu, tập hợp các chi phí phát sinh trong kỳ tính toán phân bổ các chi phí hợp lý phục vụ cho tính giá thành sản phẩm.

Dựa trên thông báo về bán hàng do nhân viên bán hàng gửi lên, kế toán tiến hành vào sổ và theo dõi trên sổ kế toán liên quan đến bán hàng. Theo dõi phản ánh chính xác kịp thời tình hình tiêu thụ thành phẩm, thực hiện đúng đủ các nghiệp vụ kế toán về tiêu thụ thành phẩm, lập báo cáo tiêu thụ, báo cáo kết quả kinh doanh.

4.Thủ quỹ:

Theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời số kiệu có tình hình biến động quỹ tiền mặt tiền gửi ngân hàng.

Căn cứ vào các chứng từ gốc để vào sổ tiền mặt theo dõi thu chi phản ánh kịp thời, chính xác lượng tiền mặt hiện có trong công ty.

Nhiệm vụ cấp phát tiền cân đối quỹ.

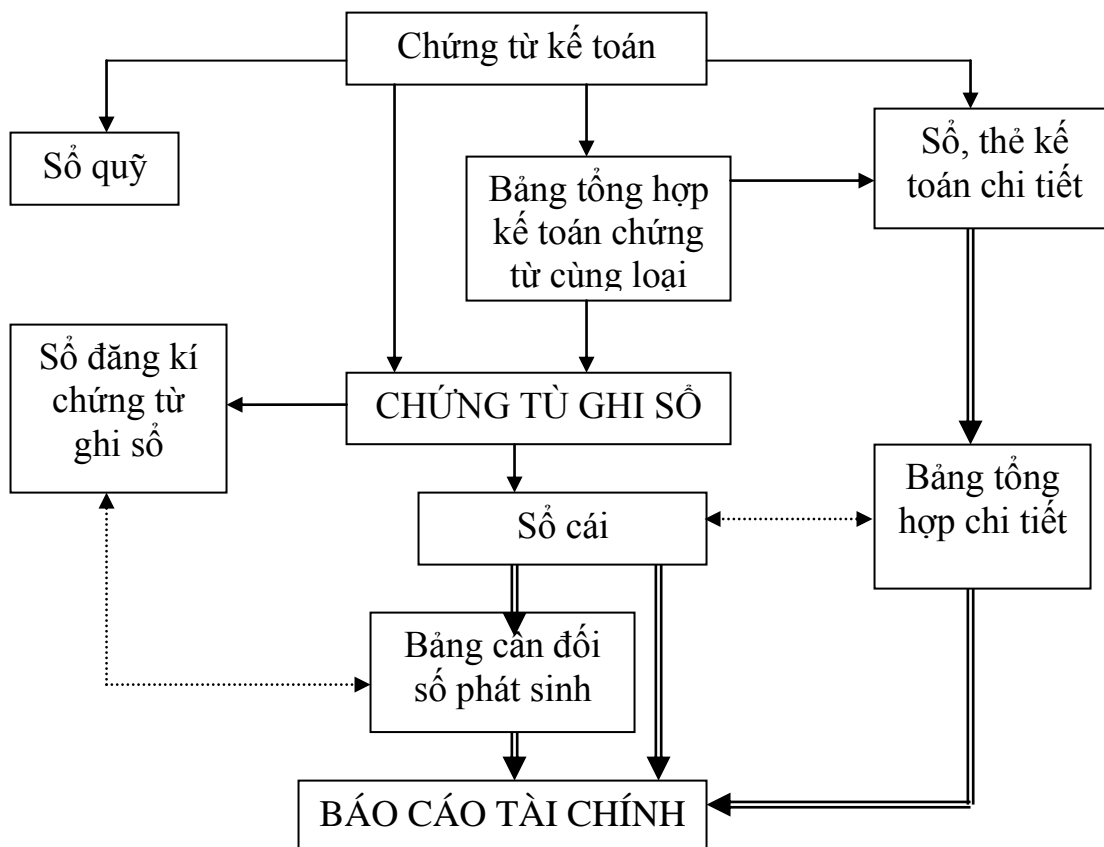
2.1.2.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Việt Xô.

Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Theo hình thức sổ Nhật ký chung.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hóa.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đều.
- Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:
 - + Sổ Nhật ký chung
 - + Sổ cái các tài khoản
 - + Các sổ kế toán chi tiết

• Trình tự ghi sổ kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Toàn bộ quá trình kế toán của Công ty được minh họa theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <-.->

- Hàng ngày, căn cứ vào Chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng kí chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào SỔ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng kí chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh nợ, tổng số phát sinh có và Số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh.

- Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập BCTC.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết

- Chứng từ kế toán.

Hiện nay, Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành, có thể chia thành các loại chứng từ như sau:

Loại 1: Chứng từ về lao động tiền lương: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, Giấy chứng nhận hưởng BHXH, Danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH, phiếu xác nhận sản phẩm, công việc hoàn thành, Hợp đồng giao khoán.

Loại 2: Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm nghiệm, Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Loại 3: Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn thu mua hàng...

Loại 4: Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Biên lai thu tiền, Biên bản kiểm kê quỹ.

Loại 5: Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, Biên bản đánh giá lại TSCĐ.

- Tổ chức báo cáo kế toán của Công ty:

Trong niên độ kế toán của Công ty sử dụng các báo cáo kế toán sau:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả HĐKD (mẫu số B02-DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty CP Việt Xô.

2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Mức thuế suất 10%:

Đây là mức thuế suất được áp dụng chủ yếu với các mặt hàng của Công ty

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào: Than cục, Zaven, Diesel...
- Đối với hàng hóa dịch vụ bán ra: Agar bột, Đồ hộp, dưa chuột bao tử...

2.2.2. Phương pháp tính thuế.

Công ty CP Việt Xô áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Hóa đơn GTGT mẫu số 01 GTKT.

Gồm 3 liên: Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Dùng thanh toán

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.
- Bảng kê hóa đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các hóa đơn đặc thù khác.
- Số thuế GTGT phải nộp hàng kỳ của công ty được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số thuế GTGT} = \text{Số thuế GTGT} \quad - \quad \text{Số thuế GTGT} \text{ đầu} \\ \text{phải nộp} \qquad \qquad \text{đầu ra} \qquad \qquad \text{vào được khấu trừ} \end{array}$$

Trong đó:

- a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.

Thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.

b) Thuế GTGT đầu vào bằng (=) tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán thuế GTGT tại công ty.

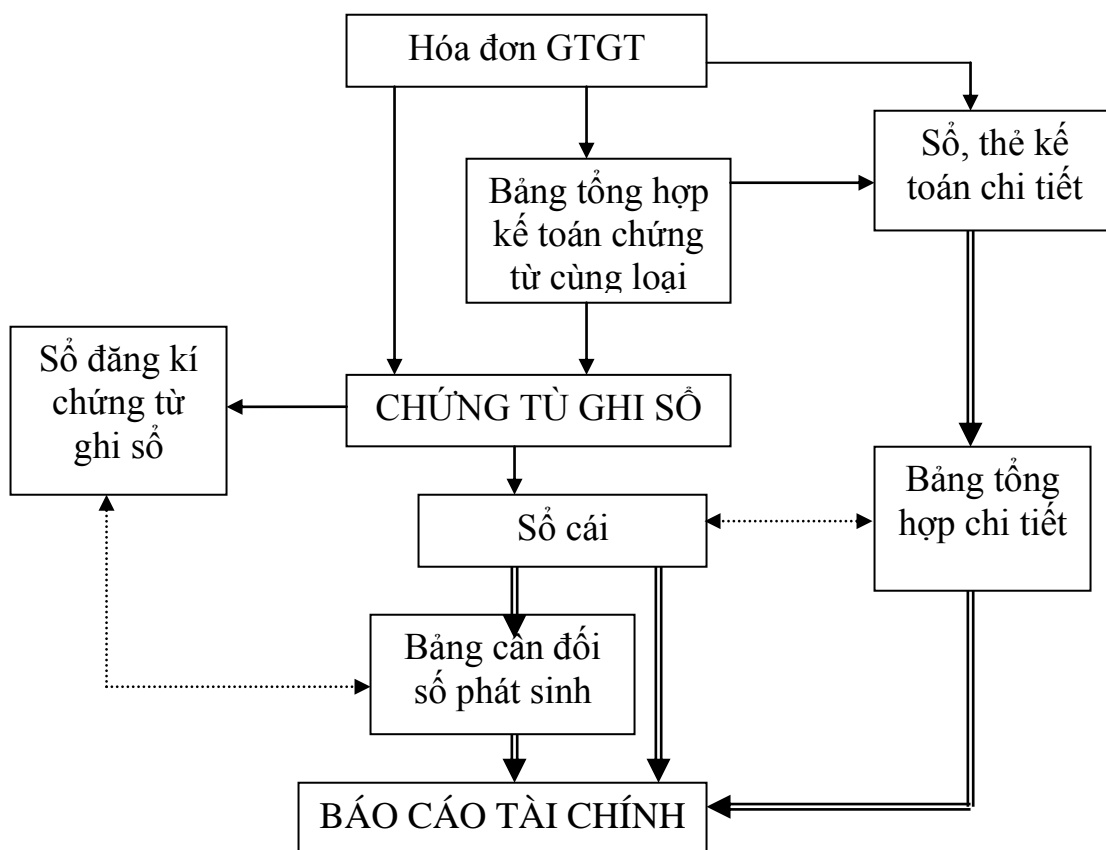
Đề hạch toán thuế GTGT công ty sử dụng tài khoản 133 và tài khoản 3331

- TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ
TK 1331: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hóa, dịch vụ
- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng
TK 33311: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái tài khoản: 133, 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản: 133, 3331
- Sơ đồ hạch toán:

Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
 -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Số liệu để ghi vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc bán ra. Hàng ngày tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào Chứng từ ghi sổ căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, Chứng từ ghi sổ, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

2.2.4. Kế toán thuế GTGT đầu vào.

Tài khoản sử dụng: TK 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”

TK này sử dụng cho những đối tượng khấu trừ thuế, thuộc nhóm TK phải thu.

TK 133 có 2 TK cấp 2:

TK 1331 “Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ”

TK 1332 “Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ”

→ Một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu vào gồm:

- Hóa đơn GTGT do người bán cấp khi mua nguyên vật liệu dùng cho sản xuất.
- Hóa đơn GTGT do người cung cấp dịch vụ vận chuyển giao khi thuê vận chuyển.
- Hóa đơn dịch vụ viễn thông.
- Hóa đơn tiền điện.
- Hóa đơn GTGT và mẫu hóa đơn.

* Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

- Ngày 13/10/2010: hóa đơn GTGT số 0070684 do Công ty CP Đông Á cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán nước Zaven cho Công ty Cổ phần Việt Xô với giá trị chưa thuế 7.626.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 18/10/2010: hóa đơn GTGT số 0077077 do Công ty CP Tuấn Hà cung cấp. Nội dung hóa đơn là tiếp khách cho Công ty Cổ phần Việt Xô với giá trị chưa thuế 1.080.000 đồng, thuế suất 10%.
- Ngày 19/10/2010: hóa đơn GTGT số 0004298 do Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex cung cấp. Nội dung bán dầu diesel cho Công ty CP Việt Xô với giá trị chưa thuế 2.590.910, thuế suất 10%.
- Ngày 28/10/2010: hóa đơn GTGT số 0018938 do Xí nghiệp chế biến KD than Huy Hoàng cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán than cục cho công ty Cổ phần Việt Xô với giá trị chưa thuế 31.824.000, thuế suất 10%.
- Ngày 29/10/2010: hóa đơn GTGT số 0049646 do Công ty TNHH Dương Thảo cung cấp. Nội dung bán ga F22 cho Công ty CP Việt Xô với giá trị chưa thuế 950.000, thuế suất 10%.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước zavel	Kg	6000	1.271	7.626.000
Cộng tiền hàng					7.626.000
Thuế suất GTGT : 10%					762.600
Tổng cộng tiền thanh toán :					8.388.600
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm đồng</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Tiếp khách				1.080.000
Cộng tiền hàng					1.080.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			108.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.188.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 Giao người mua

Ngày 19 tháng 10 năm 2010

Mẫu số: 01 GTKT -3LL
MY/2010B
0004298

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Vận tải và dịch vụ Petrolimex.....
Địa chỉ:
Số tài khoản:
Điện thoại: MS:

0	2	0	0	4	1	2	6	9	9				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: Công ty CP Việt Xô
Số tài khoản:
Hình thức thanh toán: TM. MS:

0	2	0	0	9	8	6	2	1	3				
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Dầu diesel	Lít	157,02	16.500	2.590.910
Cộng tiền hàng					2.590.910
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			259.091
Tổng cộng tiền thanh toán :					2.850.001

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Số tiền viết bằng chữ:Hai triệu tám trăm năm mươi nghìn không trăm linh một nghìn đồng.....

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01/GTKT - 3LL
EE/2010B
0018938

Liên 2 Giao người mua

Ngày 28 tháng 10 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Xí nghiệp chế biến KD than Huy Hoàng.....

Địa chỉ:

Số tài khoản:

Điện thoại: MS:

0	2	0	0	4	4	8	4	5	5			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty CPViệt Xô

Số tài khoản:

Hình thức thanh toán:..... Trả chậm..... MS:

0	2	0	0	9	8	6	2	1	3			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Than cục	Tấn	17,68	1.800.000	31.824.000

Cộng tiền hàng **31.824.000**

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT : **3.182.400**

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Tổng cộng tiền thanh toán :		35.006.400
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi năm triệu không trăm linh sáu nghìn bốn trăm đồng</i>		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT -3LL														
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		EE/2010B														
Liên 2 Giao người mua		0049646														
Ngày 29 tháng 10 năm 2010																
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Dương Thảo																
Địa chỉ:																
Số tài khoản:																
Điện thoại:		MS: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>7</td><td>4</td><td>4</td><td>6</td><td>7</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>	0	2	0	1	0	7	4	4	6	7				
0	2	0	1	0	7	4	4	6	7							
Họ tên người mua hàng:																
Tên đơn vị: Công ty CPViệt Xô																
Số tài khoản:																
Hình thức thanh toán:TM.....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>8</td><td>6</td><td>2</td><td>1</td><td>3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; text-align: center;"><tr><td> </td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>	0	2	0	0	9	8	6	2	1	3				
0	2	0	0	9	8	6	2	1	3							
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	2	3	4	5	6											

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

1	Ga F22	Bình	1	950.000	950.000
Cộng tiền hàng					950.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			95.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.045.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu không trăm bốn mươi năm nghìn đồng</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

Chứng từ ghi sổ

Số:..02/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
...
Cước vận chuyển	152	111	4.920.000	
VAT 10%	133	111	492.000	
Tiếp khách	642	111	1.080.000	
VAT 10%	133	111	108.000	
Mua ac quy	152	111	1.318.181	

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

VAT 10%	133	111	131.818
Mua dầu Diesel	152	111	2.590.910
VAT 10%	133	111	259.091
Mua dây súp bọc, đèn tuýp	152	111	1.160.000
VAT 10%	133	111	116.000
Mua ga F22	152	111	950.000
VAT 10%	133	111	95.000
Mua dầu Diesel	152	111	1.813.637
VAT 10%	133	111	181.364
Sửa xe	642	111	2.200.000
VAT 10%	133	111	220.000
...
Cộng			668.849.385

Kèm theo..... chứng từ gốc

Chứng từ ghi sổ

Số:..04/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
...	
Mua nước zavel	152	112	7.626,000	
VAT 10%	133	112	762.600	
...

Cộng			699.235.092	
-------------	--	--	--------------------	--

Kèm theo..... chứng từ gốc

Chứng từ ghi sổ

Số:..08/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
...	
Mua than cục	152	331	31.824.000	
VAT 10%	133	331	3.182.400	
...
Cộng			253.993.009	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Chứng từ ghi sổ

Số:..23/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
K/c thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	3331	1331	58.743.863	
Cộng			58.743.863	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Sổ chi tiết tài khoản
Tài khoản: 133 – Thuế GTGT được khấu trừ
Từ ngày: 1/10/2010 đến 31/10/2010

Số dư đầu kỳ: 56.376.940

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...
5/10	ME/2010B 0073504	CNCTCPTMĐT và chuyển giao công nghệ vận tuế	Chi tiếp khách	1111	122.636	
10/10	LS/2010B 0041914	CT TNHH TM Hà Thịnh	Cước vận chuyển	1111	140.000	
18/10	LG/2010B 0077077	CT CP Tuấn Hà	Chi tiếp khách	1111	108.000	
19/10	MY/2010B 0004298	CT CP vận tải và Dịch vụ Pétrolimex	Mua dầu Diesel	1111	259.091	
19/10	Me/2010B 0040685	CT TNHH MTV Minh Bình	Cước vận chuyển	1111	492.000	
29/10	EE/2010B 0049646	CT TNHH Dương Thảo	Mua gar F22	1111	95.000	
30/10	KX/2010B 0066139	Xí nghiệp TM và KD tổng hợp Minh Tâm	Mua Ắcquy	1111	131.818	
31/10	NB/2010B 0092022	CT CP vật liệu điện Thủy Hùng	Mua dây súp bọc, đèn tuýp	1111	116.000	
		Cộng đối ứng TK 1111			2.436.721	
13/10	DL/2010B 0070684	CT CP Đông Á	Mua nước Zaven	1121	762.600	
		Cộng đối ứng TK 1121			762.600	
28/10	EE/2010B 0018938	Xí nghiệp chế biến KD than Huy Hoàng	Than cục	331	3.182.400	
		Cộng đối ứng TK 331			3.182.400	
31/10	PKT15	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra		3331		58.743.863

Tổng phát sinh nợ: 6.381.721

Tổng phát sinh có: 58.743.863

Số dư nợ cuối kỳ: 4.014.798

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

CÔNG TY CP VIỆT XÔ SỐ 1 BẾN BÌNH – MINH KHAI-HỒNG BÀNG – HẢI PHÒNG	Mẫu số S02c2 - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)
---	--

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu: 133

Năm 2010

Từ ngày 01/10/2010 đến 31/10/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ		56.376.940	
			Số phát sinh trong kỳ			
31/10	02/10	31/10	Cước vận chuyển	111	492.000	
			Tiếp khách	111	108.000	
			Mua ac quy	111	131.818	
			Mua dầu Diesel	111	259.091	
			Mua dây súp bọc, đèn tuýp	111	116.000	
			Mua ga F22	111	95.000	
			Mua dầu Diesel	111	181.364	
			Sửa xe	111	220.000	
			Mua PLC racer plus	111	20.812	
...
31/10	23/10	31/10	Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	3331		58.743.863
			Cộng số ps		6.381.721	58.743.863
			Số dư cuối kỳ		4.014.798	

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đối với hàng hóa, dịch vụ đơn vị mua của những tổ chức, cá nhân tự sản xuất, những sản phẩm mới qua sơ chế thông thường sách, báo, tạp chí, những dịch vụ như: khám chữa bệnh, bảo hiểm,... hoặc những hàng hóa, dịch vụ mua của những cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh nghiệp không khấu trừ thuế đầu vào vì theo phần B mục III có quy định như sau:

“Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào. Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp hóa đơn GTGT không ghi đúng quy định của pháp luật”.

Như vậy, khi mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn hoặc hóa đơn GTGT không hợp lệ hoặc không phải hóa đơn GTGT thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Công ty cổ phần Việt Xô đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài chính trong việc kê khai, khấu trừ thuế đầu vào. Điều này không phải doanh nghiệp nào cũng làm đúng.

2.2.5. Kế toán thuế GTGT đầu ra.

Tài khoản sử dụng: TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

Tài khoản này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ

Số dư Có: Số thuế GTGT còn phải nộp.

Số dư Nợ: Số thuế GTGT hiện nộp thừa.

TK 3331 được quy định có 2 TK cấp 3:

+ 33311 “Thuế GTGT đầu ra”

+ 33312 “Thuế GTGT hàng nhập khẩu”

Chứng từ phản ánh nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu ra là các hóa đơn GTGT do doanh nghiệp lập khi bán sản phẩm hàng hóa.

Một số nghiệp vụ:

- Ngày 4/10/2010: Hóa đơn GTGT số 0000076 do Công ty Cổ phần Việt Xô cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán bột agar cho Công ty TNHH Phan Trần, với giá trị chưa thuế là 190.909.090, thuế suất 10%

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

- Ngày 7/10/2010: Hóa đơn GTGT số 0000078 do Công ty Cổ phần Việt Xô cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán bột agar cho Công ty CP XNK rau quả I, với giá trị chưa thuế là 400.000, thuế suất 10%
- Ngày 14/10/2010: Hóa đơn GTGT số 0000080 do Công ty Cổ phần Việt Xô cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán dưa chuột bao tử cho Công ty CP XNK rau quả I, với giá trị chưa thuế là 68.475.000, thuế suất 10%
- Ngày 16/10/2010: Hóa đơn GTGT số 0000081 do Công ty Cổ phần Việt Xô cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán đồ hộp cho Công ty CP Ấc quy Việt Nam, với giá trị chưa thuế là 1.745.454, thuế suất 10%
- Ngày 22/10/2010: Hóa đơn GTGT số 0000082 do Công ty Cổ phần Việt Xô cung cấp. Nội dung hóa đơn là bán bột agar cho Công ty TNHH Phan Trần, với giá trị chưa thuế là 190.909.091, thuế suất 10%

HOÁ ĐƠN			Mẫu số:01 GTKT -3LL															
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2009T															
Liên 3: Nội bộ			0000076															
Ngày 4 tháng 10 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Xô																		
Địa chỉ: Số 1- Bến Bính – Minh Khai – Hồng Bàng- HP																		
Số tài khoản:.....																		
Điện thoại:			MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>			0	2	0	0	9	8	6	2	1	3			
0	2	0	0	9	8	6	2	1	3									
Họ tên người mua hàng:.....																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH Phan Trần																		
Số tài khoản:																		
Hình thức thanh toán:.....CK.....			MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>			0	3	0	3	7	1	0	3	0	5			
0	3	0	3	7	1	0	3	0	5									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6													
1	Agar bột	Kg	954,54	200.000	190.909.091													
Cộng tiền hàng					190.909.091													
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			19.090.909													
Tổng cộng tiền thanh toán :					210.000.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm mười triệu đồng chẵn</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Agar bột	Kg	2	200.000	400.000
Cộng tiền hàng					400.000
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			40.000
Tổng cộng tiền thanh toán :					440.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm bốn mươi nghìn đồng</i>					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 14 tháng 10 năm 2010			Mẫu số:01 GTKT -3LL AA/2009T 0000080															
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Xô Địa chỉ: Số 1- Bến Bính – Minh Khai – Hồng Bàng- HP Số tài khoản:..... Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>8</td><td>6</td><td>2</td><td>1</td><td>3</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	9	8	6	2	1	3			
0	2	0	0	9	8	6	2	1	3									
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty CP XNK rau quả I Số tài khoản: Hình thức thanh toán:.....CK..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>1</td><td>3</td><td>9</td><td>2</td><td>0</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	1	0	0	1	1	3	9	2	0			
0	1	0	0	1	1	3	9	2	0									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6													
1	Dưa chuột bao tử	Hộp	2.739	25.000	68.475.000													
Cộng tiền hàng					68.475.000													
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			6.847.500													
Tổng cộng tiền thanh toán :					75.322.500													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bảy mươi năm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng</i>																		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>														

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Đồ hộp	Hộp	104	16.800	1.745.454
Cộng tiền hàng					1.745.454
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			174.545
Tổng cộng tiền thanh toán :					1.919.999
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một triệu chín trăm mười chín nghìn chín trăm chín mươi chín</i> đồng.....					
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Người bán hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 22 tháng 10 năm 2010			Mẫu số:01 GTKT -3LL AA/2009T 0000082															
Đơn vị bán hàng: Công ty CP Việt Xô Địa chỉ: Số 1- Bến Bính – Minh Khai – Hồng Bàng- HP Số tài khoản: Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>9</td><td>8</td><td>6</td><td>2</td><td>1</td><td>3</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	2	0	0	9	8	6	2	1	3			
0	2	0	0	9	8	6	2	1	3									
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Phan Trần Số tài khoản: Hình thức thanh toán:..... TM..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>3</td><td>0</td><td>3</td><td>7</td><td>1</td><td>0</td><td>3</td><td>0</td><td>5</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>						0	3	0	3	7	1	0	3	0	5			
0	3	0	3	7	1	0	3	0	5									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6													
1	Agar bột	Kg	954,54	200.000	190.909.091													
Cộng tiền hàng					190.909.091													
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			19.090.909													
Tổng cộng tiền thanh toán :					210.000.000													
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm mười triệu đồng</i>																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														

Chứng từ ghi sổ

Số:..3/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán bột agar thu bằng CK	1121	511	190.909.091	
VAT 10%	1121	3331	19.090.909	
Bán dưa chuột muối thu bằng CK	1121	511	135.000.000	
VAT 10%	1121	3331	13.500.000	
Bán dưa chuột muối thu bằng CK	1121	511	68.475.000	
VAT 10%	1121	3331	6.847.500	
..	
Cộng			697.834.863	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Chứng từ ghi sổ

Số:..1/10....

Ngày 31.tháng 10.năm 2010

Trích yếu	Số hiệu tài khoản		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Bán bột agar thu tiền mặt	1111	511	400.000	
VAT 10%	1111	3331	40.000	
Bán đồ hộp thu tiền mặt	1111	511	1.745.454	
VAT 10%	1111	3331	174.545	
..	
Cộng			666.189.771	

Kèm theo..... chứng từ gốc

Sổ chi tiết tài khoản
Tài khoản: 3331 – Thuế GTGT phải nộp
Từ ngày: 1/10/2010 đến 31/10/2010

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
7/10	AA/2009T 0000078	Công ty CP XNK rau quả I	Agar bột	1111		40.000
16/10	AA/2009T 0000081	Công ty Cp Ấc quy Việt Nam	Bán đồ hộp	1111		174.545
		Cộng đối ứng TK 1111				214.545
4/10	AA/2009T 0000076	Công ty TNHH Phan Trần	Agar bột	1121		19.090.909
7/10	AA/2009T 0000077	Công ty CP XNK rau quả I	Dưa chuột 5-8cm dầm dầm khẩu vị Tiệp	1121		13.500.000
14/10	AA/2009T 0000080	Công ty CP XNK rau quả I	Dưa chuột bao tử 3-6cm dầm dầm lọ 680g	1121		6.847.500
22/10	AA/2009T 0000082	Công ty TNHH Phan Trần	Agar bột	1121		19.090.909
		Cộng đối ứng TK 1121				58.743.863
31/10	PKT15	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra		1331	58.743.863	

Tổng phát sinh nợ: 58.743.863

Tổng phát sinh có: 58.743.863

Số dư nợ cuối kỳ:

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

CÔNG TY CP VIỆT XÔ SỐ 1 BẾN BÌNH – MINH KHAI-HỒNG BÀNG – HẢI PHÒNG	Mẫu số S02c2 - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)
---	--

SỔ CÁI

Tên TK: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Số hiệu: 333

Năm 2010

Từ ngày 01/10/2010 đến 31/10/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH tài khoản đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
31/10	3/10	31/10	Thuế GTGT đầu ra của Agar	112		19.090.909
			Thuế GTGT đầu ra của dưa chuột muối	112		13.500.000
			Thuế GTGT đầu ra của Agar	112		19.090.909
			Thuế GTGT đầu ra của dưa chuột muối	112		6.847.500
31/10	1/10	1/10	Thuế GTGT đầu ra của đồ hộp	111		174.545
			Thuế GTGT đầu ra của Agar	111		40.000
31/10	23/10	31/10	K/c thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	1331	58.743.863	
31/10	28/10	31/10	Thuế TNDN	821		5.894.576
			Cộng số ps		58.743.863	64.638.439
			Số dư cuối kỳ			5.894.576

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

2.2.6. kê khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT.

2.2.6.1. kê khai thuế:

Hàng tháng sau khi xác định số thuế GTGT phải nộp, số thuế đã nộp, kế toán xác định số thuế cần phải nộp, số thuế đã nộp thừa vào ngân sách Nhà nước, trên cơ sở đó kế toán lập tờ khai thuế GTGT theo mẫu quy định 01/GTGT do Bộ Tài chính phát hành. Căn cứ để lập tờ khai thuế bằng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-2/GTGT, bằng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra mẫu số 01-1/GTGT, sổ cái tài khoản 3331...

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bằng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào và bảng tổng hợp, bằng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong mười ngày đầu tháng tiếp theo.

2.2.6.2. Khấu trừ thuế GTGT:

Hàng tháng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, trên cơ sở tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra, kế toán tiến hành khấu trừ thuế GTGT.

Trong tháng 10, căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 10/2010 kế toán xác định:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ kỳ trước chuyển sang 56.376.940 (đồng)
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ: 6.381.721 (đồng)
- Thuế GTGT đầu ra: 58.743.863 (đồng)

Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ: 62.758.661 (đồng) > Thuế GTGT đầu ra: 58.743.863

→ Thuế GTGT phải nộp trong tháng 10: 58.743.863

Bút toán khấu trừ thuế GTGT được thực hiện vào cuối tháng, sau khi xác định được tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra. Về nguyên tắc chỉ được khấu trừ theo số nhỏ hơn, và đơn vị đã thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT theo đúng nguyên tắc quy định.

2.2.6.3. Nộp thuế GTGT

Đơn vị nộp thuế GTGT bằng tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định (chậm nhất không quá 25 ngày của tháng tiếp theo), kế toán công ty sẽ thực hiện nộp thuế theo đúng quy định.

2.2.6.4. Quy trình lập tờ khai thuế GTGT

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế ” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

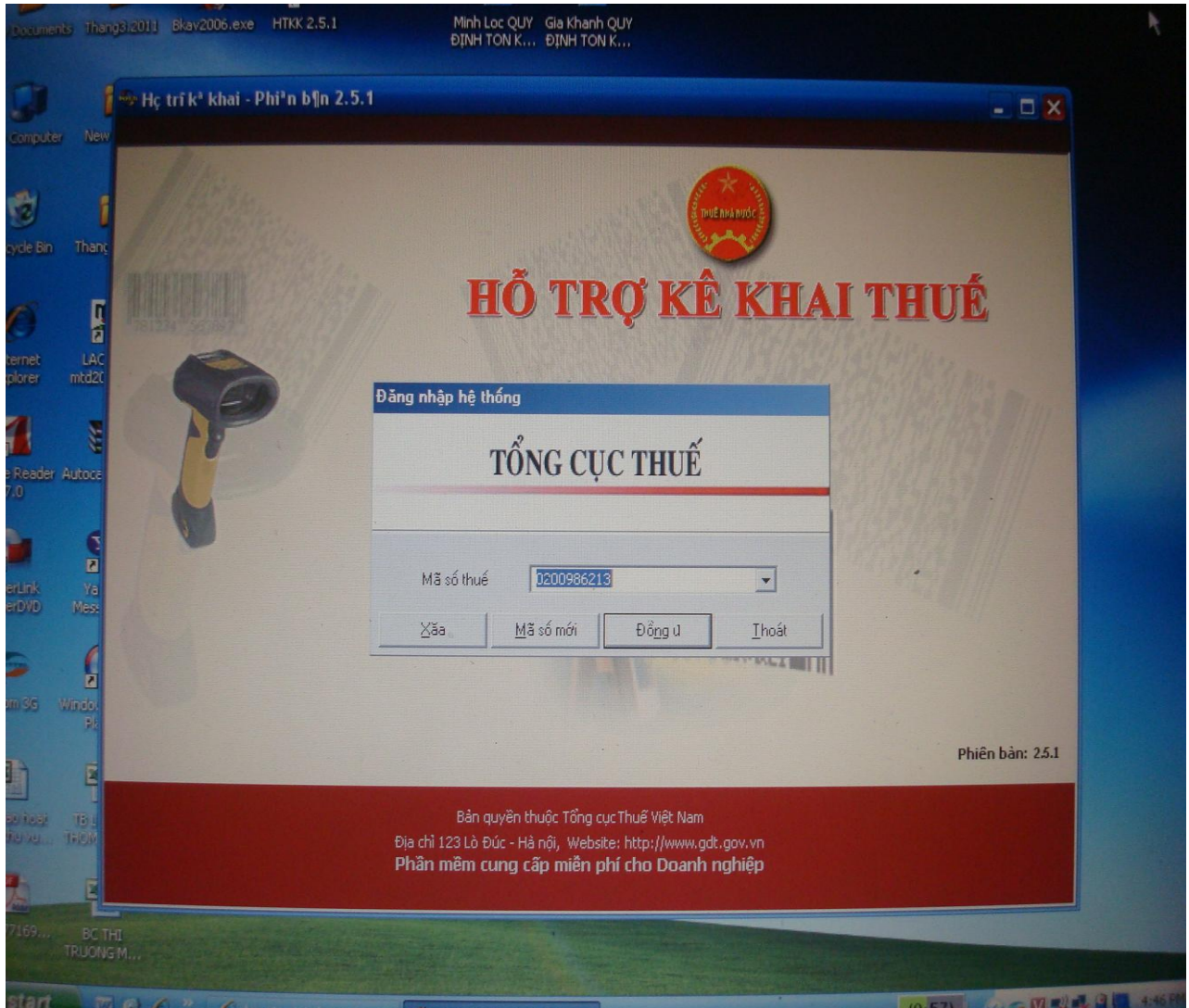
Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hóa thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hóa thông tin trên tờ khai, cơ quan thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai, cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, kí tên, đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành 3 bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này)

Tại thời điểm năm 2009, Công ty Cổ phần Việt Xô đang sử dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.1. Song hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty đã chuyển sang dùng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “Mã số thuế” sau đó kích chuột vào chữ “Đồng ý”.

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm sẽ hiện lên giao diện như sau:

Trên giao diện này, bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như:

- Người nộp thuế: ở đây phải điền là “Công ty Cổ phần rau quả Việt Xô”
- Địa chỉ trụ sở: ở đây điền là “Khu công nghiệp An Tràng, thị trấn trường Sơn
- Quận/ huyện: ở đây điền là “An Lão”
- Tỉnh/ Thành phố: ở đây điền là “Hải Phòng”
- Điện thoại, fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua
- Ngày bắt đầu năm tài chính: ở đây điền là “01/ 01”

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

- Cơ quan thuế cấp cục sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “HPH- Cục thuế thành phố Hải Phòng”
- Cơ quan thuế quản lý: sẽ có chi cục thuế các quận và thành phố. Ví dụ như: Chi cục thuế quận Hồng Bàng, Chi cục thuế quận Ngô Quyền..., Cục thuế thành phố Hải Phòng. Kế toán chọn Cục thuế thành phố Hải phòng vì Công ty do cục thuế quản lý

Tiếp đó, kế toán kích chuột vào chữ “Ghi” sau khi có dòng chữ “Đã ghi dữ liệu thành công”, kế toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “Đóng”. Ngay sau đó, một giao diện mới sẽ hiện ra:



Lúc này, kế toán sẽ lựa chọn dòng “Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)”. Giao diện tiếp theo là:



Ở phần chọn phụ lục kê khai, kế toán sẽ chọn “PL 01-1/GTGT” và “PL 01-2/GTGT” rồi kích chuột vào “Đồng ý”. Kế toán chỉ sử dụng “PL 01-3/GTGT” sau khi phát hiện Tờ khai thuế GTGT mà mình nộp cho Cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “Tờ khai”, “PL 01-1/GTGT”, “PL 01-2/GTGT”.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Kích chuột vào “PL 01-1/GTGT”, nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:									
1							0		0
Tổng							0		0
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:									
1							0	0%	0
Tổng							0	0%	0
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:									
1							0	5%	0
Tổng							0	5%	0
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:									
1							0	10%	0
Tổng							0	10%	0
Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra:								0	
Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra:								0	

Tổ khai: PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Sửa Kết xuất Đăng

start đơn giá giải phóng ma... Học trí k^h khai - Phiên b... (0:38) 5:04 PM

Tại đây, kế toán bắt đầu kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra. Phần này, có chia ra thành các phần như sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT.
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%.
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%.
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%.

Khi kê khai, lưu ý cần phải điền cho thật chính xác các thông tin

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Ví dụ: Ngày 4/10/2010 Công ty Cổ phần rau quả Việt Xô có bán Agar bột cho Công ty TNHH Phan Trần. Hóa đơn số 0000076, với giá trị chưa có thuế là 190.909.091, thuế suất 10%.

Kế toán kê khai như sau: vào phần 3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%. Điền đầy đủ các thông tin như:

- Ký hiệu hóa đơn: AA/2009T
- Số hóa đơn: 0000076
- Ngày tháng năm phát hành là ngày tháng ghi hóa đơn cho khách. Ở đây là 04/10/2010
- Tên người mua: Công ty TNHH Phan Trần
- Mã số thuế người mua: 0303710305
- Mặt hàng: Agar bột
- Doanh số bán chưa có thuế: 190.909.091
- Thuế suất: 10%
- Thuế GTGT: 19.090.909

Điền hóa đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi

Sau khi kê khai xong, kế toán kích chuột vào chữ “Ghi”. Tiếp đó, hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công”. Tiếp đó, kế toán kích chuột vào chữ “Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hóa đơn, chứng từ bán ra

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Kích chuột vào “PL 01-02/GTGT”, nếu như muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:									
1							0		0
Tổng							0		0
2. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD không chịu thuế GTGT:									
1							0		0
Tổng							0		0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT:									
1							0		0
Tổng							0		0
Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:									0
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:									0

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào: 0
Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào: 0

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đăng

Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hóa đơn là những hóa đơn mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang tờ khai thuế GTGT

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
 Kỳ tính thuế: Tháng 10 năm 2010

Mã số thuế: 0200986213
 Người nộp thuế: Công ty CP rau quả Việt Xô

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
II Hàng hóa, dịch vụ bán ra			
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24]=[26]+[27]; [25]=[28])	[24]	0 [25] 0
1.1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0
1.2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]; [28]=[31]+[33])	[27]	0 [28] 0
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 0%	[29]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 5%	[30]	0 [31] 0
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế 10%	[32]	0 [33] 0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng	[34]	0 [35] 0
b	Điều chỉnh giảm	[36]	0 [37] 0
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38]=[24]+[34]-[36], [39]=[25]+[35]-[37])	[38]	0 [39] 0
III Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ			
1	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40]=[39]-[23]-[11])		[40] 0
2	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41]=[39]-[23]-[11])		[41] 0
2.1	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		[42] 0
2.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])		[43] 0

Người ký: _____
 Ngày ký: 10/10/2010

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Thêm phụ lục / Nhập lại / Ghi / In / Xóa / Kết xuất / Đăng

4. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT

Một số quy định chung:

Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa dịch vụ”

Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng...năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01]: Kỳ tính thuế: tháng 10 năm 2010
- [02]: Người nộp thuế: Công ty Cổ phần rau quả Việt Xô
- [03]: Mã số thuế: 0200986213
- [04]: Địa chỉ trụ sở: khu CN An Tràng, thị trấn Trường Sơn
- [05]: Quận/huyện: An Lão
- [06]: Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng

Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn 0 thì phần số ghi vào tờ khai được để trong ngoặc (). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có bảng giải trình đính kèm.

Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

2.2.6.4. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)

A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hóa, dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]

- [11]: 56.376.940

C- Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN

1. Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

- Mã số [12]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước và nhập khẩu.

- [12]: 63.817.212

- Mã số [13]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.

- [13]: 6.381.721

2. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước”

- Mã số [14]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua HHDV.

- [14]: 63.817.212

- Mã số [15]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT trên các hóa đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của HHDV mua vào trong nước.

- [15]: 6.381.721

3. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu”

- Mã số [16]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)

- [16]: không phát sinh trong kỳ

- Mã số [17]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ

- [17]: Không phát sinh trong kỳ

4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”

- Mã số [18], [20]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

- [18], [20]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [19], [21]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

- [19], [21]: Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào:

- Mã số [22]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

- [22]: 6.381.721

6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- Mã số [23]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ

- [23]: 6.381.721

B- Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ”

- Mã số [24]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT) bao gồm HHDV bán ra chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

- [24]: 587.438.636

- Mã số [25]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với số HHDV bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28]

- [25]: 58.743.863

2. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- Mã số [26]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế GTGT của cơ sở kinh doanh.

- [26]: Không phát sinh trong kỳ

3. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- Mã số [27]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT

- [27]: 587.438.636

- Mã số [28]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27].

- [28]: 58.743.863

4. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%”

- Mã số [29]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%

- [29]: Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu “hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%”

- Mã số [30]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%

- [30]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [31]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30]

- [31]: Không phát sinh trong kỳ

6. Chỉ tiêu “hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%”

- Mã số [32]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%

- [32]: 587.438.636

- Mã số [33]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32]

- [33]: 58.743.863

7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước”:

- Mã số [34], [36]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

- [34], [36]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [35], [37]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

- [35], [37]: Không phát sinh trong kỳ

8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra”

- Mã số [38]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm của các kỳ kê khai trước.

$[38] = [24] + [34] - [36]$

- [38]: 587.438.636

- Mã số [39]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$[39] = [25] + [35] - [37]$

- [39]: 58.743.863

III. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”

- Mã số [40]: Số liệu để ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu [39] = 0 thì phải ghi số “0” vào kết quả

2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”

- Mã số [41]: Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi vào chỉ tiêu [40]

- [41]: 4.014.798

3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này”

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn thuế theo chế độ quy định

- [42]: Không phát sinh

4. Chỉ tiêu “Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyên kỳ sau”

- Mã số [43]: Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số 43 của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo

- [43]: 4.014.798

PHẦN III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT XÔ

I. Yêu cầu của việc hoàn thiện:

1. Hoàn thiện phải phù hợp với chính sách và chuẩn mực kế toán

Như ta đã biết yêu cầu của kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của nhà nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những quy định của Bộ tài chính trong việc sử dụng, ghi chép hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm đúng những quy định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT phải theo hướng phù hợp với chế độ, chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi, đối xử công bằng đối với tất cả các doanh nghiệp, bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh không đúng pháp luật đều bị xử phạt nghiêm minh. Nếu như doanh nghiệp thực hiện đúng theo những quy định hướng dẫn của Nhà nước thì đương nhiên là sẽ được hưởng mọi ưu đãi trong mọi lĩnh vực.

2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp nói chung và tại Công ty CP Việt Xô nói riêng, không chỉ phải phù hợp với chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà nước mà phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại từng doanh nghiệp khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đã bước chân vào thương trường thì đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công việc

quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Việc hoàn thiện nếu không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp thì sẽ mất đi ý nghĩa chủ quan của nó, về mặt lý thuyết nếu thiếu bất kỳ một ý nghĩa nào thì không được coi là hoàn thiện. Nói tóm lại trên đây là hai yêu cầu đặt ra trước hết của việc tổ chức hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng, dưới đây tôi sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại đơn vị thực tập căn cứ vào hai yêu cầu đó.

II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Việt Xô

1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Việt Xô

Công ty CP Việt Xô là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty. Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng. Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về thuế GTGT, đơn vị đều làm theo hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

**/ Về ưu điểm:*

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT: Hóa đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào, bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ bán ra, tờ khai thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 10/2010 có một vài hóa đơn, chứng từ của tháng 9/2010, điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành, nếu chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hóa đơn, chứng từ của tháng 9 vào bảng kê của tháng 10 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế giúp cho việc kê khai thuế tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng quy định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

**/ Về nhược điểm:*

- Chưa có sự đối chiếu giữa hóa đơn mua vào, bán ra với bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra.

- Trong thực tế, Công ty kê khai thuế giá trị gia tăng đôi khi còn bỏ sót hóa đơn đầu vào và đầu ra. Trong thời gian 6 tháng thì doanh nghiệp vẫn được kê khai bổ sung. Nhưng có những hóa đơn quá 6 tháng doanh nghiệp vẫn tiến hành kê khai bổ sung. Điều này là sai với quy định.

- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, 333 với bảng kê và tờ khai thuế dẫn đến số liệu không khớp.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

- Doanh nghiệp chưa lập báo cáo sử dụng hóa đơn dẫn đến việc không kiểm soát được hóa đơn đầu ra. Do vậy vẫn có thể gây thiếu sót.
- Trường hợp hóa đơn có sự sai sót khi hủy hóa đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn
- Trường hợp hóa đơn có sự sai sót khi hủy hóa đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn.
- Trường hợp bán lẻ, doanh nghiệp không tiến hành ghi hóa đơn. Việc này là sai với quy định
- Ở Công ty vẫn chưa có một kế toán chuyên trách về mảng thuế GTGT

2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty CP Việt Xô

Căn cứ vào những nhận xét đã nêu ở chương trên, tôi xin có một số đề xuất như sau:

- Cần có sự đối chiếu giữa hóa đơn mua vào, bán ra với bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- Trường hợp kê khai thuế còn thiếu sót hóa đơn đầu vào, đầu ra, kế toán cần điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hóa đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn với hóa đơn đầu ra không được phép kê khai bổ sung mà phải làm các tờ khai điều chỉnh theo mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

Giải trình khai bổ sung điều chỉnh:

Hệ trích khai - Phiên bản 2.5.1
Nhập tờ khai

GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH
(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại
tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế: 10/2010 ngày kê khai 22/11/2010)
TỜ KHAI BỔ SUNG lập ngày : 27/11/2010

STT	Chi tiêu điều chỉnh	Mã số chi tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
I. Chi tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp					
1			0	0	0
II. Chi tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp					
1			0	0	0
III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -)					
					0

Số ngày nộp chậm: 5
Số tiền phạt nộp chậm: 0
Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

Tờ khai điều chỉnh KHBS

Xóa Nhập lại Ghi In Xuất xuất Đóng

Tờ khai bổ sung:

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

Hệ tính khai - Phiên bản 2.5.1
Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
Kỳ tính thuế: Tháng 10 năm 2010

Mã số thuế: 0200986213
Người nộp thuế: Công ty CP rau quả Việt Xô

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X") [10]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [11]		0
C	Kế khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17]) [12]	0 [13]	0
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước [14]	0 [15]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu [16]	0 [17]	0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng [18]	0 [19]	0
b	Điều chỉnh giảm [20]	0 [21]	0
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21]) [22]		0
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		0
TI	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
II	Tờ khai điều chỉnh KHBS		

Phụ lục 01-3/GTGT:

Hệ tính khai - Phiên bản 2.5.1
Nhập tờ khai

**BẢNG TỔNG HỢP THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG
THEO BẢNG GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH**
Phụ lục 01-3/GTGT

STT	Kỳ tính thuế được khai bổ sung	Ngày lập tờ khai bổ sung	Số thuế GTGT điều chỉnh tăng	Số thuế GTGT điều chỉnh giảm
1	1/...		0	0
Tổng cộng			0	0

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cổ phần Việt Xô

- Cần có sự kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết và tờ khai thuế GTGT, để tránh trường hợp không khớp về mặt số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ. Việc kiểm tra đối chiếu có thể thông qua các bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK: 13311, 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
Dư đầu kì										
T1/2010										
T2/2010										
T3/2010										
T4/2010										
...										
T11/2010										
T12/2010										
Cộng										

Số còn được khấu trừ:

Chênh lệch:

Niên độ kế toán: 2010

Khoản mục TK 511

Kê khai			Chênh lệch		Tờ khai		
Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất	Doanh thu	VAT đầu ra	Doanh thu	VAT đầu ra	Thuế suất

- Kế toán phải quản lý chặt chẽ hóa đơn, lập báo cáo sử dụng hóa đơn theo tháng. Hàng tháng đếm số hóa đơn thực tế và so sánh với số lượng trên bản kê bán ra.
- Khi xảy ra trường hợp ghi sai hóa đơn, kế toán phải tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn

Mẫu biểu biên bản hủy hóa đơn:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN

Hôm nay, ngày/...../..... tại.....

Hai bên chúng tôi gồm:

BÊN A:

.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

BÊN B:

.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

Chúng tôi cùng tiến hành lập biên bản với nội dung sau:

Ngày/...../..... bên..... lập hóa đơn cho bên..... với nội dung:

- Xeri.....
- Số.....
- Nội dung.....
- Số tiền là.....đ(.....đồng chẵn).

Tuy nhiên, sau khi bên nhận hóa đơn mới phát hiện hóa đơn bị sai nội dung.....

Bên yêu cầu trả lại, đồng thời hủy hóa đơn..... số.....

Vậy, chúng tôi cùng thống nhất hủy hóa đơn trên.

Biên bản thanh lý được lập thành 2 bản, mỗi bên giữ một bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

- Đối với trường hợp doanh nghiệp bán lẻ, Công ty nên lập bảng kê bán lẻ để có thể kiểm soát được việc bán hàng hóa không viết hóa đơn.

Mẫu biểu bảng kê bán lẻ:

BẢNG KÊ BÁN LẺ HÀNG HÓA DỊCH VỤ

(Ngày tháng năm)

Mã số:

Tên cơ sở kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Họ tên người bán hàng:.....

Địa chỉ nơi bán hàng:.....

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3

Tổng cộng tiền thanh toán:.....

Tổng số tiền (bằng chữ):.....

Người bán

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Việc bố trí nhân sự trong phòng kế toán phải được xem xét lại, nên bố trí một nhân viên kế toán chỉ chuyên theo dõi thuế, còn mảng kế toán tiền mặt mà cán bộ này đang kiêm nhiệm nên giao cho người khác theo dõi để việc kê khai thuế hàng tháng cập nhật thông tin về thuế thực sự nhanh thì Công ty nên có một kế toán chỉ chuyên theo dõi về thuế.

KẾT LUẬN

Ngày 1/1/1999 có thể được coi như một mốc quan trọng đánh dấu một bước nhảy của chế độ thuế, đó là thời điểm luật thuế GTGT được chính thức áp dụng tại Việt Nam, kéo theo chế độ kế toán cũng thay đổi cho phù hợp. Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phân nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước. Nhưng những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì lại tồn tại rất nhiều.

Xuất phát từ thực tiễn trên, tôi đã chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty Cp Việt Xô” là luận văn tốt nghiệp, bởi theo tôi thuế GTGT là một vấn đề được rất nhiều những doanh nghiệp quan tâm và sẽ còn được bàn luận, sửa đổi nhiều trong tương lai.

Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập những vấn đề riêng tại Công ty CP Việt Xô mà còn đề cập đến những vấn đề chung về luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Trong điều kiện thời gian, tài liệu và kiến thức có hạn, luận văn này còn nhiều sai sót, rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô và bạn đọc.